

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ THẢO

PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP
THỰC TRẠNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN
Ở VIỆT NAM

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
NGÀNH : LUẬT KINH DOANH

Hệ đào tạo: Chính quy

Khóa học: QH-2014-LKD

HÀ NỘI - 2018

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ THẢO

PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP
THỰC TRẠNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN
Ở VIỆT NAM

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
NGÀNH : LUẬT KINH DOANH

Hệ đào tạo: Chính quy

Khóa học: QH-2014-LKD

NGƯỜI HƯỚNG DẪN: TS.GVC NGUYỄN TRỌNG ĐIỆP

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong khóa luận là trung thực và có cơ sở rõ ràng. Nếu không đúng như trên tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về đề tài của mình.

Nguyễn Thị Thảo

LỜI CẢM ƠN

Em xin cảm ơn các thầy cô trong tổ bộ môn Luật kinh doanh, các thầy cô giảng dạy tại Khoa Luật- Đại học quốc gia Hà Nội đã giúp đỡ em trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Trong suốt quá trình học tập và thực hiện đề tài em luôn nhận được sự động viên của bạn bè, đồng nghiệp và người thân trong gia đình. Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, tháng 4 năm 2018.

Tác giả khóa luận

Nguyễn Thị Thảo

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Danh mục biểu đồ

STT	Tên biểu đồ	Trang
Biểu đồ số 1	Số doanh nghiệp mới thành lập và vốn trên các năm.	48
Biểu đồ số 2	Số doanh nghiệp mới thành lập và vốn theo vùng.	50
Biểu đồ số 3	Cập nhật đăng ký kinh doanh theo quý.	51
Biểu đồ số 4	So sánh đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.	53

Danh mục bảng

STT	Tên bảng	Trang
Bảng số 1	Số doanh nghiệp, vốn và lao động mới thành lập được đăng ký theo loại.	49
Bảng số 2	Cập nhật đăng ký kinh doanh theo loại hình.	52

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Lời cảm ơn

Danh mục các bảng, biểu đồ

Mục lục

MỞ BÀI8

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM.....11

1.1. Khái niệm và đặc điểm của đăng ký thành lập doanh nghiệp.....11

1.1.1 Khái niệm11

1.1.2 Đặc điểm của đăng ký thành lập doanh nghiệp13

1.2. Vai trò, ý nghĩa của đăng ký thành lập doanh nghiệp14

1.2.1 Vai trò của đăng ký thành lập doanh nghiệp.14

1.2.2 Ý nghĩa của việc đăng ký thành lập doanh nghiệp.17

1.3. Vài nét về lịch sử pháp luật đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam.18

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY21

2.1 Khái quát nội dung pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp hiện nay ở Việt Nam21

2.1.1. Đối tượng của đăng ký thành lập doanh nghiệp21

2.1.2. Về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ..21

2.1.3. Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp22

2.1.4. Trình tự, thủ tục về đăng ký thành lập doanh nghiệp.....26

2.1.5. Nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp.....32

2.1.6. Xử lý vi phạm về đăng ký thành lập doanh nghiệp33

2.2 Những thành tựu đạt được của pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp35

2.2.1 Những đổi mới mang tính tiên phong của Luật doanh nghiệp 2014.....35

2.2.2 Những điểm tích cực trong trình tự, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam.....	38
2.3 Những vấn đề bất cập phát sinh trong quá trình xây dựng và thực hiện pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp hiện nay	40
2.4 Những nhân tố ảnh hưởng tới thực trạng pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay	45
2.5 Tình hình đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay	47
CHƯƠNG III. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM	55
3.1 Cơ sở lý luận và thực tiễn thi hành pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam	55
3.1 Phương hướng hoàn thiện pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam	57
3.1 Về hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh	57
3.2 Về trình tự, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp	58
3.3 Về nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp.....	59
2.4 Về chế tài đối với hành vi vi phạm pháp luật đăng ký thành lập doanh nghiệp	59
KẾT LUẬN	60
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	61

MỞ BÀI

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Ngày 26/11/2014, Luật Doanh nghiệp năm 2014 được Quốc Hội thông qua. Đây là một bước tiến lớn trong lịch sử lập pháp của nước ta nói chung và trong lĩnh vực kinh doanh - thương mại nói riêng. Với những chế định có sự tiến bộ vượt bậc và dẫn hướng tới sự phát triển đi lên thì đăng ký thành lập doanh nghiệp cũng được coi là một chế định quan trọng và có sự thay đổi đáng kể. Các doanh nghiệp muốn được kinh doanh dưới các hình thức pháp lý quy định trong Luật Doanh nghiệp thì phải tiến hành đăng ký thành lập doanh nghiệp (ĐKTLDN) theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Từ Luật doanh nghiệp năm 2005 cho đến Luật doanh nghiệp năm 2014 cho phép doanh nghiệp được phép kinh doanh những gì pháp luật không cấm, nhưng không có hướng dẫn cụ thể rằng những ngành nghề cấm kinh doanh và không cấm kinh doanh khiến cho doanh nghiệp gặp nhiều trở ngại trong việc lựa chọn ngành nghề kinh doanh. Bên cạnh đó, ở một góc độ khác Luật doanh nghiệp năm 2014 có nhiều tư tưởng mở rộng tạo môi trường đầu tư cho doanh nghiệp. Nhưng trong thực tiễn kinh doanh hiện nay có những rào cản do quy định pháp luật đặt ra, nhưng cũng tồn tại những rào cản do vấn đề thực thi.

Chính vì vậy, Khóa luận lựa chọn đề tài: “ ***Pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam – Thực trạng và phương hướng hoàn thiện*** ” nhằm đánh giá thực trạng của pháp luật Việt Nam về đăng ký thành lập doanh nghiệp qua đó làm rõ những điểm mới, điểm hạn chế còn tồn tại và đề ra phương hướng hoàn thiện góp phần nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, tạo một môi trường cạnh tranh và cởi mở cho các nhà đầu tư hoạt động, đưa nền kinh tế phát triển đi lên.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nhìn chung, việc nghiên cứu và đánh giá về hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam nhận được rất nhiều sự quan tâm của các học giả. Thực tế đã có rất nhiều đề tài nghiên cứu về vấn đề này trong các giai đoạn phát triển kinh tế của đất nước, điển hình như:

Luận văn thạc sĩ luật học “ *Thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay*”. Người thực hiện: Nguyễn Thị Nga. Người hướng dẫn: PGS.TS Nguyễn Hoàng Anh. Khoa Luật- ĐHQGHN năm 2016.

Luận văn thạc sĩ luật học “*Pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam thực trạng và phương hướng hoàn thiện*”. Người thực hiện: Trần Thị Tố Uyên. Người hướng dẫn: PGS.TS Dương Đăng Huệ năm 2005. Luận văn nghiên cứu vấn đề lý luận về đăng ký kinh doanh và pháp luật về đăng ký kinh doanh.

Luận văn thạc sĩ Luật học “*Đăng ký kinh doanh theo luật doanh nghiệp Việt Nam - thực trạng và một vài kiến nghị*”. Người thực hiện: Lê Thế Phúc. Người hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Lan Hương. Khoa Luật - ĐHQGHN năm 2006.

Luận văn thạc sĩ quản lý công “*Hoàn thiện công tác đăng ký kinh doanh ở Việt Nam đến năm 2020*”. Người thực hiện Nguyễn Thị Việt Anh, Người hướng dẫn GS.TS. Lars-Torsten Eriksson, TS. Nguyễn Thùy Anh - Đại học kinh tế - ĐHQGHN năm 2013.

Luận văn thạc sĩ luật học “*Thực thi pháp luật về đăng ký kinh doanh trên địa bàn Hà Nội.*”. Người thực hiện: Nguyễn Thị Thủy. Người hướng dẫn: TS.Phan Thị Thanh Thủy. Khoa Luật- ĐHQGHN năm 2015.

“*Nghiên cứu so sánh pháp luật về thành lập doanh nghiệp*” Luận văn Ths Luật của Nguyễn Thị Phương Thảo (Khoa Luật, năm 2010).

“*Pháp luật Việt Nam về góp vốn thành lập doanh nghiệp*” Luận văn Ths Luật của Nguyễn Thị Thu Hà (Khoa Luật, năm 2013).

“*Những quy định về thủ tục thành lập doanh nghiệp cần được tiếp tục hoàn thiện*” Ths. Nguyễn Thị Yến (Tạp chí Luật học số 9/2010).

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là các quy định của pháp luật và chính sách hiện hành của Nhà nước về đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam. Bên cạnh đó, luận văn cũng đưa ra thực trạng pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam đồng thời đưa ra một số phương hướng hoàn thiện trong lĩnh vực này.

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là phân tích và đánh giá những vấn đề liên quan đến hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp. Phạm vi các quy định cụ thể của Luật doanh nghiệp năm 2005, Luật đầu tư năm 2014, Luật doanh nghiệp sửa đổi bổ sung năm 2014, Luật đầu tư năm 2014, Hiến pháp năm 2013, Luật dân sự năm 2015, Luật hợp tác xã năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Mục đích của luận văn là nhằm sáng tỏ những quy định về đăng ký doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam đồng thời đưa ra thực trạng việc đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam cũng như đề xuất một số giải pháp hoàn thiện cho vấn đề thực thi pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Nhiệm vụ của luận văn là chỉ ra được những điểm mới về thủ tục hành chính của pháp luật Việt Nam mà cụ thể là trong Luật doanh nghiệp năm 2014 trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp cũng như đưa ra những vấn đề bất cập trong thực tiễn. Từ đó đưa ra những đề xuất giải pháp để khắc phục góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trong lĩnh vực đăng ký thành lập doanh nghiệp.

5. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp logic, phân tích, lý giải, so sánh, tổng hợp đối chiếu, thống kê, diễn giải, quy nạp, đánh giá... để nghiên cứu pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt nam hiện nay.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, và phần danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về đăng ký thành lập doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam hiện nay.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Phương hướng hoàn thiện pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

1.1. Khái niệm và đặc điểm của đăng ký thành lập doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm

Để thực hiện hoạt động kinh doanh trên thị trường, chủ thể phải tiến hành hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đăng ký thành lập doanh nghiệp là thủ tục gia nhập thị trường của doanh nghiệp, theo đó có thể nhìn nhận dưới các góc độ sau:

- *Về phương diện kinh tế- xã hội*: Đăng ký kinh doanh (thành lập doanh nghiệp) là thủ tục đầu tiên mà doanh nghiệp phải thực hiện để tham gia vào thị trường, trong hoạt động đăng ký doanh nghiệp, việc đăng ký thành lập doanh nghiệp và các lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp được thông tin rộng rãi, công khai trên thị trường, bên ngoài xã hội nhằm thu hút sự chú ý của cộng đồng doanh nghiệp (các đối tượng tương lai) và cộng đồng xã hội (các bên có liên quan). Vì vậy, tuy trong giai đoạn tiến hành thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp chưa thực sự có, song chi phí trong quá trình đăng ký kinh doanh để thành lập doanh nghiệp vẫn được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp và được khấu trừ trong khi tính thuế [32, tr 8].

- *Về phương diện pháp lý*: Đăng ký thành lập doanh nghiệp là một thủ tục pháp lý mang tính chất hành chính tư pháp để xác nhận địa vị của các chủ thể kinh doanh trên thị trường [32, tr 8]. Đăng ký doanh nghiệp được ví khi như “giấy khai sinh” ra doanh nghiệp về mặt pháp lý, xác nhận sự ra đời và tồn tại của doanh nghiệp trên thương trường. Theo đó nhà đầu tư phải khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về dự kiến hoạt động của mình và được Nhà nước thừa nhận bằng việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Nói cách khác, đây là thủ tục khai sinh cho doanh nghiệp và đưa doanh nghiệp đến với thị trường một cách hợp pháp. Như vậy đăng ký kinh doanh được hiểu là hoạt động pháp lý bao gồm hành vi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kinh doanh và của chủ thể đăng ký kinh doanh. Tùy theo luật pháp các quốc gia mà đăng ký kinh doanh được giao cho cơ quan hành chính hay cơ quan tư pháp. Ở Việt Nam, đăng ký kinh doanh được giao cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chuyên môn là Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- *Về phương diện quản lý nhà nước*: Đăng ký thành lập doanh nghiệp là một trong những thủ tục hành chính bắt buộc mà doanh nghiệp và thương nhân phải hoàn thành nhằm quản lý các công việc kinh doanh. Bất kỳ hình thức kinh doanh nào chỉ được coi là hợp pháp nếu có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Hay nói cách khác, Đăng ký thành lập doanh nghiệp được coi là một trong những biện pháp quản lý nhà nước về kinh tế. Đây được coi là hoạt động quản lý đầu tiên của nhà nước đối với doanh nghiệp, nó sẽ tạo điều kiện để Nhà nước thực hiện hoạt động quản lý tiếp theo của mình khi doanh nghiệp đi vào hoạt động.

- *Về phương diện chính trị- pháp lý*: Đăng ký kinh doanh (thành lập doanh nghiệp) được hiểu là quyền tự do kinh doanh, tuy nhiên quyền tự do này phải được hiểu là tự do trong khuôn khổ. Đăng ký doanh nghiệp là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ mà doanh nghiệp phải thực hiện. Quyền tự do kinh doanh của công dân có nội hàm bao gồm cả quyền tự do lựa chọn ngành nghề, hình thức kinh doanh và tự do đăng ký kinh doanh. Bất kỳ tổ chức nào có đủ điều kiện để kinh doanh đều có thể đăng ký với nhà nước để tiến hành hoạt động sản xuất đăng ký kinh doanh của mình mà không bị bất kỳ ai ngăn cản hay chống phá.

- *Về góc nhìn của pháp luật doanh nghiệp*: Theo Nghị định số 78/2015/NĐ-CP Về đăng ký doanh nghiệp thì đăng ký doanh nghiệp là việc người thành lập doanh nghiệp đăng ký thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập, doanh nghiệp đăng ký những thay đổi hoặc dự kiến thay đổi trong thông tin về đăng ký doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp [**5, Khoản 1 Điều 3**]. Đăng ký doanh nghiệp bao gồm đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định của pháp luật.

Hiện nay Đăng ký doanh nghiệp được hiểu là việc ghi nhận về mặt pháp lý sự ra đời và cập nhật những thay đổi pháp lý trong suốt vòng đời của doanh nghiệp. Đăng ký doanh nghiệp bao gồm nội dung về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với các loại hình doanh nghiệp thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đăng ký doanh nghiệp bao gồm đăng ký thành lập doanh nghiệp mới và đăng ký thay đổi nội dung Đăng ký kinh doanh. Khái niệm Đăng ký doanh nghiệp nêu trên chỉ đề cập đến việc đăng ký

của các loại hình doanh nghiệp (vốn trong nước) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2005. Không đề cập đến việc Đăng ký doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Luật Đầu tư, các loại hình doanh nghiệp khác thành lập và hoạt động theo các Luật chuyên ngành khác nhau (doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất, tổ chức tài tín dụng, chứng khoán, bảo hiểm..)[32, tr 10].

Như vậy, nói một cách tổng quan Đăng ký thành lập doanh nghiệp là thủ tục phải tiến hành để thành lập doanh nghiệp. Những người sáng lập doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định tới Cơ quan đăng ký kinh doanh để được ghi nhận các vấn đề quan trọng của một doanh nghiệp gồm:

- Tên doanh nghiệp.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp.
- Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp.
- Vốn điều lệ, Vốn đầu tư và Tỷ lệ góp vốn trong doanh nghiệp.
- Thông tin của Chủ sở hữu công ty; của các Thành viên sáng lập, Cổ đông sáng lập.
- Thông tin của Người đại diện theo pháp luật.
- Thông tin về các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh (nếu có).

1.1.2 Đặc điểm của đăng ký thành lập doanh nghiệp

Đăng ký thành lập doanh nghiệp là một thủ tục bắt buộc để xác lập sự tồn tại của doanh nghiệp khi doanh nghiệp muốn gia nhập thị trường. Đồng thời đăng ký thành lập doanh nghiệp cũng là căn cứ pháp lý rõ ràng để Nhà nước có thể bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khi có tranh chấp xảy ra. Từ những yếu tố trên, ta có thể rút ra một số đặc điểm nổi bật của Đăng ký thành lập doanh nghiệp là:

Thứ nhất, Đăng ký thành lập doanh nghiệp là một trong những *dịch vụ hành chính công* do cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp thực hiện[35]. Hành vi đăng ký doanh nghiệp là hành vi làm phát sinh quan hệ pháp lý giữa hai bên một là chủ thể kinh doanh và một là cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong phạm vi thẩm quyền của mình, cơ quan nhà nước có nghĩa vụ tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu với các điều kiện do pháp luật quy định để cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho chủ thể kinh doanh.

Thứ hai Theo quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2014 [14, điều 29]: Đăng ký doanh nghiệp cũng là *thủ tục đầu tiên* để tiến hành hoạt động kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là một văn bản mang tính pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho chủ thể kinh doanh theo trình tự thủ tục luật định, để ghi nhận sự tồn tại về mặt pháp lý của chủ thể đó cũng như hoạt động kinh doanh của họ. Đăng ký kinh doanh là hoạt động đầu tiên để khẳng định sự ra đời của mình trên thương trường kinh doanh thương mại.

Thứ ba Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi đăng ký gia nhập thị trường đều phải thực hiện theo một khung pháp lý chung gồm các thủ tục hành chính sau: 1) ĐKKD, 2) Đăng ký mã số thuế (nay đã gộp vào một) và 3) Đăng ký giấy phép khắc dấu (nay là công bố mẫu con dấu). Hiện nay, theo quy định pháp luật hiện hành đã có sự điều chỉnh và sẽ đề cập cụ thể ở phần sau.

Thứ tư Để thành lập doanh nghiệp thì hiện nay nhà đầu tư sẽ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính. Hiện tại, doanh nghiệp có quyền lựa chọn một trong hai loại hình đăng ký doanh nghiệp là: đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử hoặc đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Phòng đăng ký kinh doanh có thẩm quyền, riêng khu vực Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh hiện nay là bắt buộc đăng ký qua mạng điện tử.

1.2. Vai trò, ý nghĩa của đăng ký thành lập doanh nghiệp

1.2.1 Vai trò của đăng ký thành lập doanh nghiệp.

1.2.1.1 Đối với nhà nước

Đăng ký thành lập doanh nghiệp là một trong những công cụ để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Vậy nên, việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là sự ghi nhận về mặt pháp lý của Nhà nước đối với sự ra đời và tư cách pháp nhân của chủ thể kinh doanh. Sự ghi nhận về mặt pháp lý này được quy định cụ thể tại các Điều 47, 73, 110, 172 Luật doanh nghiệp năm 2014 Cụ thể: Khoản 2, Điều 47 Luật Doanh nghiệp năm 2014 có quy định "*Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*". Khoản 2 Điều 73 Luật Doanh nghiệp năm 2014: "*Công ty trách*

nhệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp"....Như vậy, sau khi chủ thể kinh doanh lựa chọn loại hình doanh nghiệp và hoàn thành thủ tục đăng ký kinh doanh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì tư cách pháp nhân của chủ thể kinh doanh được xác lập “ kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Thông qua việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Nhà nước điều tiết và định hướng hoạt động kinh doanh của chủ thể kinh doanh. Và cũng thông qua hệ thống pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, Nhà nước khuyến khích các chủ thể kinh doanh thiết lập và hoạt động doanh nghiệp của mình bằng hình thức cấm kinh doanh những ngành nghề xâm hại đến an ninh, quốc phòng và trật tự xã hội, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của dân tộc; hạn chế kinh doanh một số ngành nghề hoặc đặt ra những yêu cầu chặt chẽ đối với việc kinh doanh một số ngành nghề nhất định.

Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là một trong những phương thức để Nhà nước kiểm tra và giám sát hoạt động kinh doanh của chủ thể kinh doanh.[20, tr 3]

Là cơ sở cho sự phối hợp tốt hơn giữa các cơ quan quản lý nhà nước. Có thể nói rằng, sự phối hợp liên thông giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan quản lý nhà nước khác như thuế, công an, sở hữu trí tuệ đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, cũng như trực tiếp hỗ trợ doanh nghiệp trong khâu tiến hành thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Ví dụ, từ năm 2010 đến nay, cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế đã thực hiện việc kết nối, trao đổi thông tin giữa Hệ thống Thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống Thông tin Đăng ký thuế; cùng với đó là việc phối hợp, rà soát, đồng bộ thông tin đăng ký doanh nghiệp. Qua đó đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, đảm bảo việc cung cấp kịp thời đầy đủ các thông tin có giá trị pháp lý về đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan có liên quan, cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức cá nhân có nhu cầu, tăng tính minh bạch của môi trường kinh doanh gia nhập, phát triển sản xuất kinh doanh cũng như rút lui khỏi thị trường.

1.2.1.2 Đối với chủ thể đăng ký kinh doanh

Đối với cá nhân, tổ chức thành lập doanh nghiệp ở đây gọi chung là chủ thể kinh doanh thì đăng ký doanh nghiệp là một trong những công cụ để bước đầu thực hiện

quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật mà cụ thể là được khẳng định rõ trong Điều 33 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam “*Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm*”[11, Điều 3]. Đây không chỉ là nghĩa vụ mà còn là quyền năng pháp lý của chủ thể kinh doanh. Điều này đã được thể chế hóa tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP về đăng ký thành lập doanh nghiệp: “*Thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật là quyền của cá nhân, tổ chức và được Nhà nước bảo hộ*”.

Đăng ký doanh nghiệp đối với chủ thể kinh doanh được coi là một trong những công cụ bước đầu thực hiện quyền tự do kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho chủ thể kinh doanh cũng như đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp khi có đủ hồ sơ và đúng trình tự.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh hợp pháp của chủ thể kinh doanh được nhà nước bảo hộ. Kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chủ thể được quyền tự do kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật. Nếu vi phạm, chủ thể kinh doanh sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc bị xử lý bằng những hình thức pháp lý khác nhau theo quy định của pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là phương tiện bảo vệ chủ thể kinh doanh khỏi sự can thiệp trái pháp luật của tổ chức, cá nhân vào hoạt động kinh doanh hợp pháp của mình. Như vậy, có thể thấy rằng đăng ký doanh nghiệp không đơn thuần là thủ tục mà còn là biện pháp hữu hiệu để bảo vệ doanh nghiệp trên thương trường.

1.2.1.3 Đối với xã hội

Việc đăng ký doanh nghiệp có ý nghĩa về mặt xã hội, đó là giúp doanh nghiệp có thể công khai hoạt động của mình trên thị trường, tạo niềm tin và thu hút khách hàng khi giao dịch với doanh nghiệp. Ngoài ra, khi doanh nghiệp hoạt động tất yếu có sự đóng góp thiết thực cho nền kinh tế xã hội.

Trên cơ sở các thông tin có giá trị pháp lý được chiết xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cổng Thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã

cung cấp các công cụ tìm kiếm, cho phép người sử dụng tra cứu các thông tin cơ bản, miễn phí, có giá trị pháp lý của doanh nghiệp.

Những thông tin đó bao gồm: tên doanh nghiệp, tên doanh nghiệp viết tắt, tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài, mã số doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp, tình trạng doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở chính, danh sách ngành nghề kinh doanh, thông báo về mẫu con dấu và danh sách các báo cáo đã công bố của doanh nghiệp.

Như vậy, tất cả các tổ chức, cá nhân đều có thể tiếp cận dễ dàng, và chính xác với các thông tin pháp lý về doanh nghiệp thông qua một đầu mối thông tin duy nhất và có giá trị pháp lý, thay thế phương thức tiếp cận thông tin truyền thống là cơ chế “xin - cho”. Từ đó, các chủ thể có liên quan như đối tác, khách hàng, ngân hàng,... có thể có thông tin về doanh nghiệp một cách chính xác, để tránh những rủi ro không đáng có và tạo sự tin tưởng hơn đối với doanh nghiệp.

1.2.2 Ý nghĩa của việc đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Việc đăng ký thành lập doanh nghiệp là công cụ pháp lý để chủ thể kinh doanh thực hiện sáng kiến kinh doanh và cơ hội kinh doanh của mình. Đăng ký thành lập doanh nghiệp sẽ tạo nên các chủ thể kinh doanh hoạt động trong môi trường pháp lý công bằng và bình đẳng. Đặc biệt là các chủ thể kinh doanh có cơ hội được tiếp cận với các nguồn lực, nguồn tài nguyên một cách đầy đủ.

Pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp còn có ý nghĩa hạn chế những tác hại mà hoạt động kinh doanh không đăng ký mang lại. Nếu việc kinh doanh của doanh nghiệp dưới quy mô lớn mà không thực hiện đăng ký hoặc không đăng ký đúng và đủ các điều kiện mà pháp luật quy định thì hậu quả để lại sẽ rất lớn, ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến đối tác, khách hàng, nhà nước và tới môi trường kinh doanh chung.

Bên cạnh đó, việc doanh nghiệp thực hiện và tuân thủ tốt các điều kiện của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp sẽ góp phần làm giảm tình trạng tham nhũng. Các nghĩa vụ về thuế của các doanh nghiệp sẽ được tuân thủ tốt hơn, thu về ngân sách nhà nước từ thuế của các doanh nghiệp đóng góp sẽ cao hơn.

Ngoài ra, pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp có ý nghĩa là giảm những tranh chấp không đáng có về sở hữu trí tuệ. Một khi doanh nghiệp được thành lập và đăng ký đúng theo quy định của pháp luật thì doanh nghiệp đó đã được công nhận và xác lập mình trên thị trường, khẳng định được chủ quyền của mình đối với lĩnh vực mình kinh doanh, vì thế hạn chế được những tranh chấp xảy ra không đáng có. Do đó, bên cạnh việc giúp doanh nghiệp đăng ký có thể thu được lợi nhuận cao, pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp cũng yêu cầu doanh nghiệp phải có nghĩa vụ lớn hơn với môi trường, xã hội và người lao động.

Tóm lại, ý nghĩa của việc thành lập doanh nghiệp là hết sức quan trọng, không chỉ đối với việc bảo đảm quyền lợi cho chính chủ doanh nghiệp mà còn mang ý nghĩa đảm bảo trật tự quản lý nhà nước cũng như bảo đảm về quyền lợi cho các chủ thể khác khi tham gia hoạt động kinh doanh nói chung.

1.3. Vài nét về lịch sử pháp luật đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam.

Pháp luật đăng ký thành lập ở Việt Nam xuất hiện khá muộn so với các lĩnh vực khác. Trong lịch sử hàng nghìn năm phong kiến, các thiết chế tổ chức kinh doanh và các quy định về Đăng ký doanh nghiệp rất mờ nhạt. Từ thế kỷ XI đến thế kỷ XVI, xã hội phong kiến Việt Nam đã trải qua các triều đại Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ và Lê sơ. Lịch sử cho thấy, Nhà nước phong kiến qua các triều đại này đều rất coi trọng nông nghiệp với việc thực hiện chính sách “dĩ nông vi bản” - vấn đề ruộng đất đã trở thành trung tâm của các mối quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội thời phong kiến. Một xã hội không coi trọng thương nhân và thương mại đã không tạo cho xã hội nhiều điều kiện thuận lợi để tổ chức kinh doanh. Các quy định hiếm hoi mà lịch sử ghi nhận được về hoạt động đăng ký doanh nghiệp trong truyền thống đó là dưới thời Minh Mạng, các phường, hội, ty (còn được gọi là cuộc) do nhiều gia đình hợp thành nếu có mười người trở lên, tự chọn ra người lãnh đạo (cuộc trưởng) và được quan Bố chánh cho phép hoạt động thì hàng năm phải trình quan tỉnh một bản hộ tịch gồm tên, ngày sinh và quê quán của những người trong cuộc[26, tr 62]. Như vậy, một thứ sơ khai của đăng ký kinh doanh- đăng ký doanh nghiệp đã hình thành, mục đích chính là để quản lý thuế và các nghĩa vụ của cuộc[28, tr238] .

Đăng ký doanh nghiệp thời Pháp thuộc cũng không có nhiều quy định cho chúng ta tham khảo bởi thời kỳ này pháp luật chủ yếu ban bố chế độ đặc quyền kinh doanh và khai thác tài nguyên cho người Pháp. Pháp luật kinh doanh và đăng ký doanh nghiệp thời kỳ này cũng không được mở rộng và khuyến khích cho mọi người dân trong xã hội. Vì thế trong thời gian này cũng không có điểm gì khởi sắc đối với pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Trong thời kỳ bao cấp, đăng ký thành lập doanh nghiệp chỉ xuất hiện một cách sơ khai. Chủ yếu là các cá nhân kinh doanh - kinh doanh một cách tự phát do nhu cầu trao đổi hàng hóa, phục vụ nhu cầu của cơ bản của con người. Đối với doanh nghiệp thì đến những năm 89, 90 mới bắt đầu xuất hiện. Lúc này vấn đề đăng ký doanh nghiệp mới được nhà nước chú ý đến và có những quy tắc, quy định cho riêng doanh nghiệp.

Khi hoà bình được lập lại ở miền Bắc, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã ban hành những quy định đầu tiên về đăng ký doanh nghiệp với mục đích tập thể hoá và kế hoạch hoá nền sản xuất của miền Bắc. Do đó, các quy định về đăng ký thành lập doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào phát triển nền sản xuất tập thể, kinh tế cá thể và kinh tế ngoài quốc doanh không được khuyến khích phát triển. Trong giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1986 Nhà nước đã ban hành rất nhiều các văn bản về đăng ký doanh nghiệp. Thể hiện điều đó là trong tất cả các bản Hiến pháp[7] [8] [9] [10] nước ta đều có dù ít dù nhiều những quy định về đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, những quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp trong giai đoạn này chủ yếu được ban hành dưới hình thức văn bản dưới luật, trong đó có sự phân biệt rất rõ ràng thủ tục đăng ký doanh nghiệp giữa hình thức đơn vị kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và cá thể ngoài quốc doanh. Các đơn vị kinh tế quốc doanh được đăng ký kinh doanh khá đơn giản (khi có quyết định thành lập), còn các đơn vị kinh tế tập thể và cá thể thủ tục sẽ phức tạp hơn. Nhìn chung, các quy định về đăng ký doanh nghiệp thời kỳ này mang nặng tư duy quản lý kinh tế cũ, thiếu tính thống nhất và những nội dung chủ yếu của một hệ thống đăng ký kinh doanh hiệu quả [34, tr17].

Khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã thể chế hóa mạnh mẽ quyền tự do kinh doanh và tổ chức kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong và ngoài quốc doanh. Cơ sở pháp lý đầu tiên khẳng định tư tưởng này đó là

Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân năm 1990. Đây được coi là luật mẹ, là luật cơ sở trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp. Sau khi luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân năm 1990 ra đời cũng là lần đầu tiên pháp luật về đăng ký doanh nghiệp được ghi nhận trong kho tàng luật pháp của Việt Nam. Cũng từ đây, chế định đăng ký doanh nghiệp đã có những bước phát triển mới trên cơ sở những quy định của luật và các quy định hướng dẫn thi hành hai đạo luật này. Từ những nền tảng pháp luật trên, Nhà nước ta sau đó đã ban hành rất nhiều văn bản cơ bản để điều chỉnh vấn đề này như Luật sửa đổi một số điều của Luật công ty năm 1994; Luật Doanh nghiệp năm 1999; Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003; Luật đầu tư năm 1996, Luật đầu tư năm 2000,.. và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy có nhiều điểm tiến bộ so với những quy định về đăng ký doanh nghiệp trước đó nhưng những quy định về đăng ký doanh nghiệp trong giai đoạn này còn rất nhiều điểm còn hạn chế.

Hiện nay, trong tình hình kinh tế và thị trường hội nhập, pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp đã có những biến chuyển tích cực khi vấn đề này được quan tâm và đầu tư mạnh mẽ hơn. Pháp luật Việt Nam hiện nay ghi nhận các văn bản về đăng ký doanh nghiệp như Luật doanh nghiệp năm 2014; Luật đầu tư năm 2014; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008; Luật thuế Giá trị gia tăng năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2013,.. và các nghị định, thông tư, quyết định, các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nhìn chung, pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp của nước ta vẫn đang trên đà phát triển. Tuy có nhiều điểm tiến bộ so với những quy định về đăng ký doanh nghiệp trước đó nhưng những quy định về đăng ký doanh nghiệp hiện nay vẫn còn rất nhiều điểm còn hạn chế. Để các quy định pháp luật về đăng ký doanh nghiệp thực sự là động lực khuyến khích toàn dân kinh doanh và thúc đẩy nền kinh tế phát triển thì pháp luật về đăng ký doanh nghiệp cũng như cách thức thực hiện các quy định này phải có sự thay đổi căn bản trong tình hình mới của đất nước.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1 Khái quát nội dung pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp hiện nay ở Việt Nam

Các chế định về đăng ký thành lập doanh nghiệp hiện nay được quy định tại Chương II – Thành lập doanh nghiệp của Luật doanh nghiệp năm 2014. Trong đó quy định những vấn đề về quyền thành lập doanh nghiệp; trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; đặt tên doanh nghiệp; con dấu của doanh nghiệp; nội dung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp,...

Cho đến nay, vấn đề đăng ký doanh nghiệp được thực hiện chủ yếu trên cơ sở các quy định tại Chương II của Luật doanh nghiệp năm 2014 và được hướng dẫn tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP Về đăng ký thành lập doanh nghiệp. Ngoài ra, trong hệ thống pháp luật hiện nay còn có Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT Hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp ban hành ngày 1/12/2015. Những nội dung chủ yếu của pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp sẽ được thể hiện trong các nội dung dưới đây:

2.1.1. Đối tượng của đăng ký thành lập doanh nghiệp

Theo quy định tại Luật doanh nghiệp năm 2014[14, điều 2] và Nghị định số 78/2015/NĐ-CP Về Đăng ký thành lập doanh nghiệp[5, điều 2] thì đối tượng của đăng ký thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp gồm có:

- Doanh nghiệp tư nhân
- Công ty cổ phần
- Công ty hợp danh
- Công ty trách nhiệm hữu hạn (gồm công ty TNHH một thành viên và công ty TNHH hai thành viên trở lên)

2.1.2. Về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Cơ quan đăng ký kinh doanh là cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp và giải quyết cấp hoặc không cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho chủ thể kinh doanh theo quy định của

pháp luật. Ngoài nhiệm vụ đăng ký doanh nghiệp, cơ quan đăng ký doanh nghiệp còn phải cập nhập thông tin về những thay đổi trong nội dung đăng ký doanh nghiệp của chủ thể kinh doanh, theo dõi và giám sát chủ thể kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh theo các nội dung đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 13 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định Cơ quan đăng ký kinh doanh được tổ chức ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) và ở quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), bao gồm:

- + Ở cấp tỉnh: Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi chung là Phòng Đăng ký kinh doanh). Phòng Đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Phòng Đăng ký kinh doanh tại các địa điểm khác nhau trên địa bàn cấp tỉnh. Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có thể thành lập thêm một hoặc hai Phòng Đăng ký kinh doanh và được đánh số theo thứ tự. Việc thành lập thêm Phòng Đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- + Ở cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ đăng ký hộ kinh doanh quy định tại Điều 15 Nghị định này (sau đây gọi chung là cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện).

2.1.3. Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp

Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp là điều kiện cần để cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được quy định đối với từng loại hình doanh nghiệp khác nhau. Cụ thể:

- **Đối với doanh nghiệp tư nhân:** Quy định tại Điều 20 Luật Doanh nghiệp năm 2014. Cụ thể là Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân bao gồm: “Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ doanh nghiệp tư nhân:

- + Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực.

+ Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực.”

- **Đối với công ty hợp danh, công ty TNHH, công ty cổ phần:** quy định lần lượt tại các Điều 21, 22 và 23 Luật Doanh nghiệp năm 2014. Cụ thể:

+ Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty hợp danh bao gồm:

1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

2. Điều lệ công ty.

3. Danh sách thành viên.

4. Bản sao Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các thành viên.

5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư **[15, Điều 55]**.

+ Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty trách nhiệm hữu hạn bao gồm:

1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

2. Điều lệ công ty.

3. Danh sách thành viên.

4. Bản sao các giấy tờ sau đây:

a) Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các thành viên là cá nhân;

b) Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức.

Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.

+ Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty cổ phần bao gồm:

1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

2. Điều lệ công ty.

3. Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.

4. Bản sao các giấy tờ sau đây:

a) Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân;

b) Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức.

Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.”

- Đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất và công ty nhận sáp nhập hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP Hướng dẫn về đăng lý doanh nghiệp.

- ***Đối với các trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp*** hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP Hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. Cụ thể: Với mỗi hình thức chuyển đổi thì kèm theo đó là hồ sơ đăng ký chuyển đổi đã được quy định rõ ràng cụ thể. Có các hình thức chuyển đổi là:

- *Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên*

- *Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên,*

- *Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn*

- *Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại*

Đối với tổ chức tín dụng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 78/2015/ ND- CP tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Đối với hộ kinh doanh hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh: quy định cụ thể tại Khoản 1, Điều 71, Nghị định số 78/2015/ND- CP Hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. Theo đó để tiến hành thủ tục đăng ký là: Cá nhân, nhóm cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình gửi Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh.

Nhìn chung, để đăng ký thành lập doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp cần phải chuẩn bị bộ hồ sơ bao gồm các giấy tờ như: (i) Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh theo mẫu thống nhất do cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền quy định; (ii) Danh sách thành viên (đối với công ty hợp danh, công ty TNHH), danh sách cổ đông sáng lập (đối với công ty cổ phần); (iii) Giấy tờ chứng thực cá nhân/tổ chức của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên, cổ đông sáng lập; (iv) Điều lệ công ty (đối với công ty hợp danh, công ty TNHH, công ty CP).

Như vậy, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã có sự phân hóa về mặt loại hình doanh nghiệp dự định đăng ký và được đánh giá là tương đối chặt chẽ. Với mỗi loại hình doanh nghiệp khác nhau thì hồ sơ đăng ký thành lập là khác nhau. Luật Doanh nghiệp năm 2014 đồng thời cũng quy định rõ ràng nội dung của các loại giấy tờ như: Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh, Điều lệ công ty, danh sách thành viên và danh sách cổ đông. Doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và tự kê khai hồ sơ đăng ký, chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của mình khi nộp cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

Một trong những điểm mới nổi bật của Luật Doanh nghiệp năm 2014 là đơn giản hóa thành phần hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Theo quy định trước đây tại Luật Doanh nghiệp năm 2005, đối với doanh nghiệp khi kinh doanh các ngành, nghề mà luật, pháp lệnh hoặc nghị định đòi hỏi phải có vốn pháp định hoặc chứng chỉ hành nghề, thì doanh nghiệp đó chỉ được đăng ký kinh doanh khi có đủ vốn hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc đăng ký thành lập doanh nghiệp về bản chất là

việc ghi nhận sự ra đời, công nhận về mặt pháp lý sự xuất hiện của doanh nghiệp trên thị trường. Điều này cũng tương tự như việc cấp giấy khai sinh cho một đứa trẻ hoặc cấp chứng minh thư nhân dân cho công dân. Các yêu cầu về vốn pháp định và chứng chỉ hành nghề chỉ nên được coi là điều kiện kinh doanh để doanh nghiệp được hoạt động. Quy định như Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã tỏ ra không hợp lý, không có hiệu lực quản lý nhà nước, gây ra khó khăn, tốn kém không cần thiết cho nhà đầu tư khi thành lập mới doanh nghiệp.

Do vậy, Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã bỏ yêu cầu về các điều kiện kinh doanh trong thành phần hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp không phải đáp ứng các yêu cầu về điều kiện kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp được phép kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện kể từ khi đáp ứng được các yêu cầu về điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2.1.4. Trình tự, thủ tục về đăng ký thành lập doanh nghiệp

Trình tự, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp là những thủ tục hay là những bước và thời hạn thực hiện mà cá nhân, tổ chức và cơ quan đăng ký kinh doanh phải tuân thủ trong quá trình đăng ký thành lập doanh nghiệp do pháp luật quy định. Hiện nay, cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ vào cải cách thủ tục hành chính thì trình tự thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp cũng có nhiều thay đổi, chủ thể doanh nghiệp có thể lựa chọn hình thức nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc nộp hồ sơ qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (nộp hồ sơ qua mạng điện tử thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp).

2.1.4.1 Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh:

Trình tự, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp được quy định cụ thể tại Điều 27 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 27 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP Hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, việc đăng ký thành lập doanh nghiệp được tiến hành tại cơ quan đăng ký kinh doanh, bao gồm 5 bước cụ thể sau:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ các thông tin cần thiết để lập hồ sơ thành lập công ty

Thứ nhất, Lựa chọn loại hình doanh nghiệp để bắt đầu khởi nghiệp:

Một trong những vướng mắc của các nhà khởi nghiệp chính là thành lập công ty, doanh nghiệp của mình theo loại hình nào. Loại hình doanh nghiệp rất quan trọng, không những nó phần quyết định quyền lợi, nghĩa vụ của các chủ sở hữu mà còn mang lại ảnh hưởng lâu dài đến hướng đi và tầm nhìn của công ty.

Hiện nay, có 5 loại hình doanh nghiệp phổ biến là: Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty TNHH 1 thành viên, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân.

Thứ hai, Chuẩn bị bản sao y công chứng chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của các thành viên (đối với loại hình công ty TNHH), các cổ đông (đối với loại hình công ty cổ phần). Bản sao y công chứng CMND chưa quá 3 tháng, thời hạn CMND chưa quá 15 năm.

Thứ ba, Lựa chọn đặt tên công ty:

Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố là loại hình doanh nghiệp và Tên riêng. tốt nhất bạn nên lựa chọn đặt tên công ty ngắn gọn, dễ nhớ, dễ phát âm.

Tên công ty không được trùng lặp hoàn toàn với các công ty đã thành thành lập trước đó (áp dụng trên toàn quốc) được quy định tại Điều 42 của Luật doanh nghiệp 2014. Để xác định tên công ty mình dự kiến đặt có bị trùng với những công ty khác hay không, bạn có thể truy cập vào vào dangkykinhdoanh.gov.vn” để kiểm tra.

Thứ tư, Xác định địa chỉ trụ sở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của công ty.

Trụ sở chính của doanh nghiệp là địa điểm liên lạc của doanh nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, ngách, hẻm, ngõ phố, phố, đường hoặc thôn, xóm, ấp, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

Thứ năm, Xác định ngành nghề kinh doanh mà công ty dự kiến kinh doanh.

Doanh nghiệp cần tìm hiểu xem ngành nghề kinh doanh có cần điều kiện hay không (điều kiện về giấy phép con, điều kiện về vốn pháp định...). Từ đó, doanh nghiệp xác định ngành nghề kinh doanh cho doanh nghiệp.

Thứ sáu, Xác định vốn điều lệ để đưa ra kinh doanh.

Vốn điều lệ là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty.

Thứ bảy, Xác định chức danh người đại diện theo pháp luật của công ty.

Về chức danh người đại diện theo pháp luật của công ty nên để chức danh người đại diện là giám đốc (tổng giám đốc).

Bước 2: Tiến hành thủ tục soạn và nộp hồ sơ thành lập doanh nghiệp

Sau khi chuẩn bị đầy đủ những thông tin cần thiết doanh nghiệp tiến hành soạn thảo hồ sơ thủ tục thành lập công ty và nộp lên sở Kế hoạch và Đầu tư .

Thứ nhất, Soạn thảo hồ sơ thủ tục thành lập công ty.

Doanh nghiệp cần soạn thảo một bộ hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật. Đối với mỗi loại hình doanh nghiệp thì pháp luật quy định cụ thể những hồ sơ cần có. Cụ thể phần trước của luận văn đã đề cập đến. Các mẫu làm hồ sơ được quy định cụ thể tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP Hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp, Thông tư số 20/2015/TT- BKHĐT Hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp [1, **Phụ lục**], Thông tư số 04/2016/ TT- BKHĐT Quy định biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Doanh nghiệp [2]

Thứ hai, Nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh

Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền nộp đủ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật này tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền (Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung hồ sơ.

Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải đầy đủ các thông tin yêu cầu mới được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Cụ thể là:

- Có đầy đủ các giấy tờ theo quy định, tùy từng trường hợp mà pháp luật quy định các loại giấy tờ khác nhau.
- Tên doanh nghiệp đã được điền vào Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.
- Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp;
- Đã nộp phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định

Quy định này nhằm nâng cao tính tuân thủ pháp luật, tính tự giác, tự chịu trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức khi có nhu cầu gia nhập thị trường, đồng thời, việc giảm trách nhiệm thẩm định hồ sơ của cơ quan đăng ký kinh doanh cho phép rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Bước 3, Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thực hiện bằng việc cơ quan đăng ký kinh doanh ghi vào sổ hồ sơ tiếp nhận của cơ quan mình, đồng thời trao cho người thành lập Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ hợp lệ. Thời điểm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ được coi là căn cứ để xác định thời hạn thực hiện trách nhiệm đăng ký doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh. Cũng chính vì thế mà giấy biên nhận về việc tiếp nhận hồ sơ là cơ sở pháp lý để người thành lập doanh nghiệp có thể thực hiện quyền khiếu nại của mình trong trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh không cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đúng thời hạn và không có thông báo về việc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

Bước 4, Xem xét tính hợp lệ hồ sơ đăng ký và cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Sau khi trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sau khi được số hóa vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Nếu từ chối cấp Giấy thì thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không được yêu cầu người thành lập doanh nghiệp nộp thêm các giấy tờ khác không quy định tại Luật doanh nghiệp năm 2014.

Bước 5, Công bố thông tin thành lập mới doanh nghiệp trên cổng thông tin quốc gia.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan có liên quan của Chính phủ, cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

Bước 6, Thủ tục khắc và phát hành mẫu dấu pháp nhân

Doanh nghiệp cung cấp bản sao y công chứng giấy phép kinh doanh đến cơ sở có chức năng khắc dấu để tiến hành khắc mẫu dấu pháp nhân.

Các thủ tục sau khi thành lập công ty, doanh nghiệp

Theo quy định của pháp luật, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp tại sở KH&ĐT, doanh nghiệp cần thực hiện các công việc sau:

- Treo bảng hiệu công ty tại trụ sở chính của doanh nghiệp;
- Tiến hành đăng ký khai thuế ban đầu với chi cục thuế quận, huyện nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;
- Tiến hành đăng ký kê khai thuế qua mạng điện tử;
- Nộp tờ khai và nộp thuế môn bài;
- Nộp mẫu đăng ký phương pháp khấu hao tài sản cố định lên chi cục thuế;
- Nộp công văn đặt in hóa đơn GTGT lên cơ quan thuế, chờ cơ quan thuế phản hồi chấp thuận đặt in hóa đơn, doanh nghiệp tiến hành đặt in hóa đơn GTGT và nộp thông báo phát hành hóa đơn + hóa đơn mẫu (liên 2) trên mạng tổng cục thuế (nhanтокhai.gdt.gov.vn) 05 ngày trước khi sử dụng;
- Doanh nghiệp bắt buộc dán hoặc treo "hóa đơn mẫu liên 2" tại trụ sở công ty.

2.1.4.2 Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử

Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được nộp qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, bao gồm các giấy tờ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Hồ sơ

đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy.

Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng :

- Người đại diện theo pháp luật kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử và thanh toán lệ phí qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để tự động tạo mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

Trước khi Luật Doanh nghiệp năm 2014 được ban hành, thời gian xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là 5 ngày làm việc trong đó có 2 ngày để cơ quan thuế cấp mã số doanh nghiệp, 3 ngày để cơ quan đăng ký kinh doanh tiếp nhận, xử lý hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Với cơ chế này, việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải phụ thuộc vào việc chờ cấp mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, làm kéo dài thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

Để tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp tham gia thị trường, Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã giảm thời gian xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp còn xuống còn tối đa 3 ngày làm việc. Cụ thể hóa quy định nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Bộ Tài chính để ban hành Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHĐT-BTC hướng dẫn việc trao đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp, thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp và thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Theo đó, Hệ thống đăng ký thuế tự động tạo mã số thuế mà không cần sự kiểm tra, xem xét của cán bộ đăng ký thuế.

Có thể nói rằng, cải cách thể chế kinh tế thị trường, phát huy vai trò kiến tạo phát triển của Nhà nước đi đôi với phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân sẽ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được đặt ra. Trong bối cảnh Chính phủ đang quyết tâm cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh, những cải cách của Luật Doanh nghiệp 2014 đã và đang tạo ra những bước chuyển biến mạnh mẽ để nền kinh tế nước ta có thể bứt phá trong giai đoạn tới đây.

2.1.5. Nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp

Đối với mỗi nhóm thành lập doanh nghiệp khác nhau thì sẽ có nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp là khác nhau. Cụ thể:

**** Đăng ký thành lập doanh nghiệp mới***

Đối với những doanh nghiệp mới thì Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định nội dung đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Tên doanh nghiệp
- Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; số điện thoại, số fax, thư điện tử (nếu có)
- Ngành, nghề kinh doanh
- Vốn điều lệ, vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân
- Các loại cổ phần, mệnh giá mỗi loại cổ phần và tổng cổ phần được quyền chào bán của từng loại cổ phần đối với công ty cổ phần
- Thông tin đăng ký thuế
- Số lượng lao động
- Họ, tên, chữ ký, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của chủ doanh nghiệp tư nhân và thành viên hợp danh
- Họ, tên, chữ ký, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần.

**** Đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp***

Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp là một hình thức tổ chức lại cơ cấu doanh nghiệp sao cho phù hợp với quy mô và định hướng phát triển của doanh nghiệp đó. Trong trường hợp doanh nghiệp không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy

định của pháp luật thì buộc họ phải tiến hành chuyển đổi loại hình doanh nghiệp khác nếu không muốn bị buộc phải giải thể. Hiện nay, thủ tục liên quan tới chuyển đổi loại hình doanh nghiệp được điều chỉnh bởi Luật doanh nghiệp năm 2014.

Những hình thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp:

- Chuyển đổi từ công ty TNHH một thành viên sang công ty TNHH từ hai thành viên trở lên (trường hợp chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho một hoặc một số cá nhân khác) và ngược lại

- Chuyển đổi từ công ty cổ phần sang công ty TNHH một thành viên

- Chuyển đổi từ công ty TNHH sang công ty cổ phần và ngược lại

- Chuyển đổi *doanh nghiệp tư nhân* sang *công ty TNHH*

*** Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp**

Theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 và Nghị định số 78/NĐ –CP Hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp có quy định về đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- *Thay đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh.*

- *Thay đổi tên doanh nghiệp*

- *Thay đổi trụ sở chính của doanh nghiệp*

- *Thay đổi do chuyển nhượng, bổ sung thành viên, cổ đông trong doanh nghiệp.*

- *Thay đổi vốn điều lệ của doanh nghiệp*

- *Thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*

2.1.6. Xử lý vi phạm về đăng ký thành lập doanh nghiệp

Pháp luật về đăng ký doanh nghiệp được nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện. Mọi hành vi vi phạm của các tổ chức cá nhân trong hoạt động đăng ký doanh nghiệp đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà chủ thể thực hiện hành vi sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Luật doanh nghiệp năm 2014 [**14, Điều 210**] và Nghị định số 50/2016/NĐ-CP [**4, Mục 4**] đều quy định về xử lý vi phạm trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh. Pháp luật quy định các dạng vi phạm về đăng ký kinh doanh cũng như cách xử lý cụ thể của từng dạng.

Các hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh bao gồm các hành vi từ điều 24 đến điều 50 của Nghị định số 50/2016/NĐ-CP Về xử lý vi phạm, cụ thể : Vi phạm quy định về kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; Vi phạm quy định về thời hạn đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Vi phạm quy định về công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Vi phạm quy định về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước; Vi phạm các quy định về thành lập doanh nghiệp; Vi phạm quy định về đăng ký người thành lập doanh nghiệp; Vi phạm quy định về chế độ báo cáo và thực hiện yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh;Tương ứng với những vi phạm ấy sẽ là những mức phạt được quy định rõ ràng như Đối với Vi phạm quy định về đăng ký người thành lập doanh nghiệp - Nghị định số 50/2016/NĐ-CP Về xử lý vi phạm**[4, Điều 29]** : Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Đăng ký thành lập doanh nghiệp mà theo quy định của pháp luật không có quyền thành lập doanh nghiệp hay không có quyền góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp nhưng vẫn thực hiện.

Ngoài ra doanh nghiệp sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi phát hiện có sự sai phạm trong các trường hợp sau đây:

- Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo;
- Doanh nghiệp do những người bị cấm**[14, Khoản 2 Điều 18]** thành lập doanh nghiệp thành lập;
- Doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế;
- Doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 209 của Luật này đến Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản;
- Trường hợp khác theo quyết định của Tòa án

Nhìn chung có thể nhận thấy các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong hoạt động đăng ký kinh doanh được quy định khá chi tiết, cụ thể từ đối tượng vi phạm đến phương thức xử lý. Đối với mỗi hành vi vi phạm sẽ có mức xử lý tương ứng với hành vi đó.

2.2 Những thành tựu đạt được của pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp

Hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành về đăng ký thành lập doanh nghiệp nhìn chung về cơ bản là đã kịp thời, khá đầy đủ và có nội dung phù hợp tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong quá trình gia nhập thị trường. Các văn bản pháp luật đã thể hiện nhiều điểm tiến bộ góp phần dần hoàn thiện hệ thống pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp nói riêng và hệ thống pháp luật doanh nghiệp nói chung. Sự ra đời của Bộ luật doanh nghiệp năm 2014 và Nghị định số 78/2015/NĐ-CP đã tiếp tục hoàn thiện các quy định về cải cách các thủ tục thành lập doanh nghiệp và bộc lộ nhiều điểm mới, tiến bộ. Các quy định tương đối rõ ràng và đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động trên thị trường.

Về vấn đề đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hệ thống pháp luật của Việt Nam có Luật doanh nghiệp năm 2014, ngoài ra còn có các nghị định hướng hướng dẫn thi hành cũng như quy định chi tiết cụ thể gồm có Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp. Ngoài ra còn có Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp. Bên cạnh các Nghị định trên hệ thống pháp luật Việt Nam còn có các thông tư hướng dẫn thi hành như Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp,...và các Quyết định của cơ quan nhà nước thi hành.

2.2.1 Những đổi mới mang tính tiên phong của Luật doanh nghiệp 2014

Luật Doanh nghiệp năm 2014 vừa tiếp tục kế thừa, luật hóa những quy định còn phù hợp đã và đang đi vào cuộc sống của Luật Doanh nghiệp năm 2005, nhưng đồng thời đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định mới nhằm tháo gỡ những hạn chế, bất cập của Luật cũ, tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Theo đó, Luật Doanh nghiệp năm 2014 có một số đổi mới cơ bản, cụ thể như sau:

Một là, tư duy mở khi luật chỉ quy định những vấn đề chung nhất, mang tính định hướng, (thậm chí có nhiều điểm là gợi mở) về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, về chi tiết thì nhường lại cho doanh nghiệp tự do, tự nguyện, cam kết, thoả thuận theo các quy định của Pháp luật. Thay đổi

này vô cùng quan trọng, từ đó doanh nghiệp chủ động, sáng tạo hơn khi được tự lựa chọn các mô hình, phương thức .v.v. phù hợp với hoạt động của mình[33].

Ví dụ như: Cho phép công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật; cho phép công ty cổ phần có thể chọn một trong hai mô hình tổ chức, quản lý; Cho phép lựa chọn cách bầu dồn phiếu hay không bầu dồn phiếu khi bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty cổ phần .v.v.

Luật mới bỏ chương quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, thay bằng một vài điều khoản tại chương tổ chức thực hiện cũng theo tư duy như vậy, nghĩa là các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn đã được pháp luật chuyên ngành quy định, do đó không phải và không cần ghi điều đó vào Luật Doanh nghiệp

Hai là, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin như việc luật hóa Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hay bằng việc quy định cuộc họp được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác đã có bước tiến bộ vượt bậc so với quy định cũ là chỉ ghi vào sổ biên bản.

Luật cũng thống nhất cách hiểu về nhiều điểm mà từ trước tới nay gây nhiều tranh cãi như việc chốt lại địa điểm họp được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp, mọi người không nhất thiết phải cùng ngồi họp một chỗ.

Ba là, luật hóa việc dùng mã số thuế làm mã số doanh nghiệp, chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH, tăng cường việc bảo vệ cổ đông nhỏ (cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện...).

Bãi bỏ nhiều điều khoản đã được chứng minh là hiệu quả thực thi rất thấp, như việc đăng ký danh sách cổ đông nắm giữ 5% vốn điều lệ công ty cổ phần, hoặc bãi bỏ việc gây cản trở cho hoạt động của Doanh nghiệp như cấm một người đã làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) công ty cổ phần không được làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty khác.

Bốn là, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (CNĐKDN) chỉ còn 4 nội dung so với 10 nội dung trước đây (bỏ mục ngành nghề kinh doanh, danh sách cổ đông sáng lập, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh .v.v.)

Trong đó, điểm được nhận được sự quan tâm đặc biệt là bỏ ghi ngành nghề kinh doanh trong Giấy CNĐKDN; bỏ việc xác định vốn pháp định, chứng chỉ hành nghề .v.v. Điều này đã hiện thực hóa quyền tự do kinh doanh tất cả ngành nghề mà pháp luật không cấm theo quy định tại Hiến pháp, làm cho doanh nghiệp trở thành công cụ kinh doanh thực sự an toàn, đa công năng và rẻ hơn .v.v.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2005[2; Điều 9], doanh nghiệp có nghĩa vụ đăng ký ngành, nghề kinh doanh và sau đó, được quyền kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký và được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Như vậy, doanh nghiệp chỉ được quyền tự do kinh doanh những ngành, nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; trường hợp muốn bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh thì ngoài việc phải thực hiện đăng ký kinh doanh với cơ quan quản lý có thẩm quyền trong lĩnh vực kinh doanh cụ thể, doanh nghiệp còn phải tiến hành thủ tục bổ sung, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy định như Luật Doanh nghiệp hiện hành đã không còn phù hợp khi Hiến pháp năm 2013 có hiệu lực từ ngày 01/01/2014 đã mở rộng hơn nữa quyền tự do kinh doanh. Theo đó Điều 33 Hiến pháp quy định: *“Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”*. Để thể chế hóa đầy đủ quyền tự do kinh doanh quy định tại Điều 33 Hiến pháp, Luật đã chuyển từ nguyên tắc tự do kinh doanh những gì ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sang nguyên tắc tự do kinh doanh những gì mà pháp luật không cấm thông qua việc bỏ nội dung về ngành, nghề kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Quy định như vậy không những giảm đáng kể chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính mà còn nâng cao tính chủ động, linh hoạt cho doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh.

Năm là, cách tiếp cận mới hoàn toàn về con dấu doanh nghiệp, mang tính "cách mạng". Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Thay vì phải đăng ký với cơ quan Công an như hiện nay, Doanh nghiệp chỉ cần thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Có

lẽ đây là một trong những điểm gây nhiều bàn cãi nhất ngay từ khâu soạn thảo và cả khi thông qua, tuy vậy việc này chắc chắn sẽ giải quyết được rất nhiều vướng mắc, bất cập hiện nay về con dấu doanh nghiệp.

Sáu là, cùng với Luật Đầu tư năm 2014, Luật mới đã chính thức bãi bỏ nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có thể đồng thời là Giấy CNĐKDN. Qua đó, các nhà đầu tư nước ngoài muốn thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam đều phải được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sau đó sẽ thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Bảy là, quy định các nguyên tắc để xác định, đăng ký vốn thực của công ty, giải quyết tình trạng vốn không có thực (ảo) nhưng không thể xử lý được như hiện nay. Trong đó điểm mới nhất là cho phép Công ty TNHH một thành viên được giảm vốn điều lệ.

Tám là, không yêu cầu các công ty cùng loại mới được hợp nhất, sáp nhập, chia, tách đồng thời quy định rõ ràng về quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm cũng như trình tự thủ tục, hồ sơ .v.v. Đổi mới hết sức quan trọng này chắc chắn sẽ góp phần thúc đẩy thị trường mua bán doanh nghiệp (M&A) đang hết sức sôi động như hiện nay.

Chín là, chỉ quy định 5 trường hợp bị thu hồi Giấy CNĐKDN so với 8 trường hợp của Luật cũ. Đồng thời Luật mới cũng có các quy định nhằm giúp doanh nghiệp rút khỏi thị trường thuận lợi hơn, nhanh hơn và rẻ hơn.

Luật Doanh nghiệp năm 2014 được Quốc hội thông qua là sự kiện quan trọng đánh dấu những đổi mới rất trọng yếu liên quan đến doanh nghiệp, thể hiện được ý chí, nguyện vọng của đại đa số doanh nghiệp. Để các quy định đổi mới của Luật sớm đi vào cuộc sống, Chính phủ, các bộ, ngành và các địa phương, doanh nghiệp sẽ khẩn trương phối hợp triển khai xây dựng các văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện, góp phần giúp doanh nghiệp Việt Nam phát triển mạnh mẽ và bền vững

2.2.2 Những điểm tích cực trong trình tự, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam

Một là, Thủ tục đăng ký kinh doanh bao gồm hồ sơ, trình tự, thời hạn, điều kiện và thẩm quyền về cơ bản đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, ở hầu hết các địa phương thì đều không kèm thêm hồ sơ thủ tục và đòi hỏi nào ngoài quy định.

Hiện nay, ở hầu hết các Phòng đăng ký kinh doanh ở Việt Nam hiện nay đều thực hiện đúng quyền hạn cũng như trách nhiệm của mình. Các Phòng đăng ký kinh doanh không làm khó dễ doanh nghiệp khi đi đăng ký bằng cách “đề” thêm ra các thủ tục hay đòi hỏi khác.

Hai là, thời hạn đăng ký kinh doanh trên thực tế tại hầu hết các địa phương và đối với đa số các ngành, nghề đã rút ngắn xuống hơn so với quy định. Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội đã thực hiện đăng ký kinh doanh qua mạng, qua đó có hàng trăm doanh nghiệp đăng ký kinh doanh với thời gian ngắn (tính bằng giờ).

Theo quy định hiện hành tại Luật doanh nghiệp năm 2014 và Nghị định số 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp, thời gian xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là 5 ngày làm việc, trong đó, 2 ngày để cơ quan thuế cấp mã số doanh nghiệp, 3 ngày để cơ quan đăng ký kinh doanh tiếp nhận, xử lý hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Với cơ chế này, việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải phụ thuộc vào việc chờ cấp Mã số doanh nghiệp từ Cơ quan thuế, làm kéo dài thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

Để tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp tham gia thị trường, Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã giảm thời gian xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp xuống còn 3 ngày làm việc. Để hiện thực hóa quy định nêu trên, hiện tại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Thông tư liên tịch hướng dẫn về việc trao đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp, thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp và thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Theo đó, Hệ thống đăng ký thuế sẽ tự động tạo mã số thuế mà không cần sự kiểm tra, xem xét của cán bộ đăng ký thuế.

Ba là, bãi bỏ được hàng trăm giấy phép kinh doanh, “*giấy phép kinh doanh con*” qua đó xóa bỏ được một phần không nhỏ những cản trở hành chính bất hợp lý đối với hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp của doanh nghiệp.

Tại Nghị quyết số 98/NQ-CP được ban hành ngày 3/10/2017, Chính phủ tiếp tục dành sự quan tâm đặc biệt cho việc cải cách các quy định về điều kiện kinh doanh.

Ngày 27/12/2017, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 136/NQ-CP [3] về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, việc đăng ký thành

lập doanh nghiệp sẽ có sự thay đổi trong thành phần hồ sơ và nội dung của các mẫu đơn, tờ khai trong thời gian tới.

Chính phủ giao các bộ, cơ quan tiếp tục, rà soát, đánh giá, đề xuất bãi bỏ ít nhất từ 1/3 đến 1/2 số điều kiện kinh doanh hiện hành trong lĩnh vực quản lý và thủ tục hành chính, đang gây cản trở, khó khăn cho hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp.

Trước đó không lâu, tháng 9/2017 Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh đã ký ban hành Quyết định lên phương án cắt giảm 675 điều kiện đầu tư, kinh doanh.

Sau Công Thương, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã đề xuất bãi bỏ 34,2% điều kiện kinh doanh và cắt giảm 56,5% thủ tục hành chính trong lĩnh vực mà mình quản lý. Theo đó, có 118 điều kiện kinh doanh dự kiến được cắt giảm, sửa đổi.

Đó là những con số được các Bộ tuyên bố cắt giảm. Tại hội nghị tổng kết hoạt động năm 2017 và triển khai phương hướng nhiệm vụ năm 2018 hôm 15/1/2018 Bộ Kế hoạch và đầu tư đã đưa con số là đã bãi bỏ được 1.930 điều kiện kinh doanh được cho là các giấy phép con, cản trở doanh nghiệp phát triển lâu nay. Con số này thật đáng mừng và đáng biểu dương khi Nhà nước ta đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ.

Việc cắt bỏ giấy phép con thời gian qua, cùng nhiều giải pháp khác đã giúp môi trường kinh doanh của Việt Nam xếp thứ 68 trên tổng số 190 nền kinh tế, tăng 14 bậc so với năm ngoái. Thế nhưng Việt Nam vẫn chỉ ở vị trí thứ 5 trong ASEAN. Với đà cải cách mạnh mẽ của các nước trong khu vực thì mục tiêu Việt Nam đạt mức độ trung bình của các nước ASEAN trên các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh sẽ trở nên thách thức và đòi hỏi chúng ta phải quyết tâm và nỗ lực nhiều hơn.

2.3 Những vấn đề bất cập phát sinh trong quá trình xây dựng và thực hiện pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp hiện nay

Bên cạnh những thành tựu nêu trên thì trong hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn còn tồn tại những điểm hạn chế và bất cập.

Theo khảo sát của Cục Thống kê TP. HCM thực hiện trên 1.000 cơ sở sản xuất, kinh doanh và khu vực kinh doanh phi chính thức đang là thành phần kinh doanh lớn ở Việt Nam. Đối tượng này thiếu động cơ thành lập doanh nghiệp vì ngại phiền phức về các vấn đề pháp lý, thủ tục thuế, thiếu am hiểu quản lý vận hành doanh nghiệp. Trong

số đó có tới 73% cơ sở sản xuất không có ý định chuyển mô hình hoạt động lên doanh nghiệp. Ngoài ra, các khó khăn doanh nghiệp gặp phải như thiếu vốn (chiếm đến 60%), thủ tục hành chính, cạnh tranh kém, thiếu nhân lực, mặt bằng sản xuất, giá thành cao... dẫn đến sự bế tắc trên con đường khởi nghiệp[22].

Sau đây là một vài điểm hạn chế nổi bật. Cụ thể:

Thứ nhất: Về hệ thống cơ quan đăng ký doanh nghiệp

Nhìn chung, hệ thống cơ quan đăng ký doanh nghiệp hiện nay đang hoạt động tương đối tích cực. Tuy nhiên vẫn còn một số những hạn chế nhất định:

Một là, Hệ thống quản lý và giám sát hiện nay vẫn còn rất yếu. Từ trung ương cho đến địa phương sự móc nối, liên kết với nhau vẫn còn ít và không ăn nhập. Điển hình là vẫn còn tồn tại trường hợp cũng bộ hồ sơ ấy nếu doanh nghiệp đăng ký thành lập ở Hà Nội thì được chấp nhận và diễn ra bình thường nhưng nếu vẫn bộ hồ sơ đấy mà sang các tỉnh khác thì sẽ bị từ chối hoặc có thể bị trả về để bổ sung tiếp hồ sơ.

Hai là, số lượng cán bộ làm công tác đăng ký thành lập doanh nghiệp hiện nay còn rất thiếu và phải chịu áp lực lớn về tâm lý trong quá trình công tác. Theo thống kê, trong cả nước cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh có khoảng 1000 cán bộ, trong đó có 5 cán bộ ở trung ương, khoảng 280 cán bộ ở cấp tỉnh và khoảng 700 người ở cấp quận huyện[18]. Phương tiện làm việc, nhất là ở cấp quận, huyện vừa thiếu lại vừa lạc hậu, có nơi cán bộ đăng ký kinh doanh còn phải viết tay để làm hồ sơ chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đây là nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng quá tải trong công việc của một số Phòng đăng ký kinh doanh, nhất là ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, buộc các cán bộ đăng ký kinh doanh phải làm việc thêm ngoài giờ mới có thể thực hiện kịp thời các yêu cầu về cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của nhân dân.

Thứ hai, Trong trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp

Luật Doanh nghiệp năm 2005 và hiện tại là Luật Doanh nghiệp năm 2014 đều có quy định ngoại trừ áp dụng đối với lĩnh vực chuyên ngành. Theo Điều 3 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì “*Trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của Luật đó*”. Theo đó Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn chỉ áp dụng đối với chủ thể kinh doanh như công ty cổ phần, công ty TNHH, công

ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân hoạt động theo Luật doanh nghiệp mà không phục vụ đăng ký các loại hình kinh doanh khác trong các lĩnh vực đặc thù như ngân hàng liên doanh, tổ chức kinh doanh chứng khoán, các công ty bảo hiểm... Vì thế, việc cải thiện thủ tục thành lập doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư giảm chi phí, thời gian gia nhập thị trường cũng như những đột phá trong cải cách thủ tục hành chính tại Luật doanh nghiệp năm 2014, Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 78/2015/NĐ-CP) không phải doanh nghiệp nào cũng được hưởng. Đối với doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật chuyên ngành thì trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập doanh nghiệp vẫn chịu sự chi phối có tính quyết định bởi pháp luật chuyên ngành. Doanh nghiệp trong các lĩnh vực này không cần phải tiến hành thủ tục đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư mà đăng ký tại cơ quan quản lý chuyên ngành theo quy định của Luật chuyên ngành. Hệ quả của nó là các quy định thông thoáng về thủ tục đăng ký kinh doanh tại Luật doanh nghiệp bị vô hiệu hóa bởi pháp luật chuyên ngành.

Một khía cạnh khác Tại Điều 3 Luật Doanh nghiệp năm 2014 có quy định về Áp dụng Luật doanh nghiệp và các luật chuyên ngành, mà theo đó: “Trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của Luật đó.”. Nhưng hiện nay, hoạt động luật sư, công chứng, giám định, giáo dục và đào tạo, trọng tài thương mại,... cũng đã được xác định rõ là các ngành, nghề đầu tư kinh doanh theo Luật Đầu tư năm 2014. Tuy nhiên các ngành, nghề này lại không được đăng ký kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh, mà chỉ được thực hiện việc cấp giấy phép và đăng ký hoạt động riêng theo Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012); Luật Công chứng năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Luật Giám định tư pháp năm 2012, Luật Giáo dục đại học năm 2012; Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), Luật Trọng tài thương mại năm 2010;... Hậu quả là nhiều tổ chức hành nghề luật sư, như công ty luật và pháp nhân khác hoạt động như một doanh nghiệp, nhưng lại hoàn toàn không có thông tin trên “Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” theo quy định tại khoản 6 Điều 4 về Giải thích từ ngữ của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Tương tự, ngân hàng thương mại, công ty tài chính thì đăng ký doanh nghiệp như các doanh nghiệp khác, trong khi Công ty bảo hiểm, là một doanh nghiệp điển hình, thì

lại không thực hiện thủ tục này. Vì theo Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), quy định: “*Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.*” Trong khi đó, hộ kinh doanh hay hợp tác xã, tuy không được xác định là doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 hay Luật Hợp tác xã năm 2012, nhưng vẫn thực hiện việc đăng ký kinh doanh như đối với doanh nghiệp.

Ngoài ra, Điều 18 Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định những tổ chức, cá nhân không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên trên thực tế vẫn chưa có một cơ chế hay có một cách thức nào rõ ràng để kiểm soát vấn đề này. Hiện nay, nhà nước vẫn chưa quản lý được vấn đề này.

Việc công khai thông tin doanh nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà đầu tư.

Điều 30 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP đã có các quy định về chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu đăng ký doanh nghiệp. Quy định này không chỉ ghi nhận về mặt pháp lý của cơ quan nhà nước đối với sự hình thành của một chủ thể kinh doanh mà còn đảm bảo sự ghi nhận của xã hội về sự tồn tại của doanh nghiệp trên thị trường. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai việc công khai thông tin doanh nghiệp còn tồn tại một số hạn chế sau: Mặc dù quy định bắt buộc doanh nghiệp sau khi thành lập phải thực hiện công khai thông tin về đăng ký doanh nghiệp, tuy nhiên cơ chế quản lý những doanh nghiệp vi phạm quy định này còn thiếu. Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp sau khi thành lập không công khai thông tin. Mặt khác, chưa có sự liên kết chắc chắn giữa các cơ quan có thẩm quyền đăng ký doanh nghiệp, vì thế các doanh nghiệp thành lập theo pháp luật chuyên ngành không thực hiện thủ tục công khai thông tin trên Cổng Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Điều này dẫn đến nhà đầu tư không thể tra cứu thông tin doanh nghiệp trong những ngành nghề kinh doanh có điều kiện một cách thống nhất. Bên cạnh đó, việc công khai thông tin doanh nghiệp chỉ chính thức áp dụng đối với các doanh nghiệp được thành lập từ ngày 25/02/2013 theo Nghị định số 05/2013/NĐ-CP sửa đổi bổ sung quy định về thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Do đó, những thông tin về các doanh nghiệp được thành lập trước thời gian này không được cập nhật thống nhất và đầy đủ trên Cổng Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Điều này dẫn đến tình trạng, nhà đầu tư muốn thành lập doanh nghiệp mới khó có thể tra cứu đầy đủ tên các doanh nghiệp đang hoạt động để đặt tên tránh bị trùng. Do đó, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có thể bị trả lại vì lý

do vi phạm quy định về đặt tên doanh nghiệp, gây mất thời gian cho nhà đầu tư. Mặt khác, nó cũng nảy sinh tình trạng, muốn đặt tên đúng thì phải “nhờ” chuyên viên của Sở kế hoạch đầu tư tra xem tên doanh nghiệp mà mình muốn đặt có phù hợp không[36]?

Thứ ba, Về nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp

Một là, Các quy định về đặt tên doanh nghiệp còn cản trở quyền tự do thành lập doanh nghiệp của nhà đầu tư

Việc quy định về tên doanh nghiệp đã được Luật hóa tại Điều 38,39 Luật doanh nghiệp năm 2014 và Chương III Nghị định số 78/2015/NĐ-CP Về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể cấm đặt tên doanh nghiệp trong các trường hợp: Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký quy định tại Điều 42 của Luật doanh nghiệp năm 2014; Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó; Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tuy nhiên, việc xác định cụ thể các nhân vật là danh nhân, nhân vật trong lịch sử bị coi là phản chính nghĩa, kìm hãm sự tiến bộ, thì không có căn cứ rõ ràng. Những quy định chung chung như trên đã gây ra nhiều lúng túng cho nhà đầu tư lẫn cơ quan quản lý, dẫn đến sự từ chối “tùy tiện” của cơ quan quản lý trong cấp đăng ký doanh nghiệp, chưa đảm bảo quyền tự do thành lập doanh nghiệp, trong đó có quyền đặt tên cho doanh nghiệp của nhà đầu tư.

Hai là, Bất cập trong quy định về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

Đối với từng loại hình doanh nghiệp, khi đăng ký thành lập sẽ được yêu cầu chi tiết thành phần hồ sơ, từ Điều 20 đến Điều 23 Luật doanh nghiệp năm 2014. Tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP có quy định: “*Cơ quan đăng ký kinh doanh không được yêu cầu người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp nộp thêm hồ sơ hoặc giấy tờ khác ngoài các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định*”. Tuy nhiên vẫn còn có quy định đối với một số ngành nghề kinh doanh, khi đăng ký thành lập doanh nghiệp thì cần có giấy phép cho phép thành lập trước của các bộ chuyên ngành. Ví dụ lĩnh vực sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp; lĩnh vực thuốc chữa bệnh cho người do Bộ Y tế cấp ... Vậy

Sở Kế hoạch Đầu tư có được quyền yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các giấy phép này ngoài thành phần hồ sơ đã ấn định trong Luật doanh nghiệp năm 2014 không ? Rõ ràng, nếu yêu cầu nộp thêm, Sở Kế hoạch Đầu tư đã vi phạm quy định của khoản 2 Điều 9 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. Song nếu không yêu cầu thì Sở Kế hoạch Đầu tư lại vi phạm các quy định của luật chuyên ngành khác[29] ?.

Thứ tư, cơ chế hậu kiểm của các cơ quan quản lý nhà nước đang đặt ra vấn đề rất lớn.

Để triển khai việc hậu kiểm, liên bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tài chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV, ngày 28/05/2015 về ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Tuy nhiên, công tác “hậu kiểm” hiện nay đang có nhiều thách thức, khiến số lượng doanh nghiệp làm ăn phi pháp tăng lên. Thứ nhất, về sự phối hợp triển khai và tính sẵn sàng của các cơ quan quản lý trong thực hiện nhiệm vụ “hậu kiểm”. Không có một cơ quan nhà nước nào có đủ năng lực để quản lý tất cả các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, để hậu kiểm tốt thì các cơ quan quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực chuyên ngành tương ứng phải có trách nhiệm tham gia. Tuy vậy, nhiều cơ quan quản lý nhà nước chưa nhận thức được trách nhiệm của mình trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và chưa chủ động xây dựng kế hoạch, phương án thực hiện nhiệm vụ này và chưa có sự phối hợp hiệu quả cùng nhau để triển khai. Thách thức thứ hai là ý thức tuân thủ và chấp hành quy định pháp luật của một bộ phận doanh nghiệp tham gia vào thị trường. Thách thức thứ ba phải kể đến là sự tăng trưởng nhanh về số lượng doanh nghiệp qua các năm.

2.4 Những nhân tố ảnh hưởng tới thực trạng pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay

Trên thực tế đã có những nhân tố tác động tiêu cực đến việc xây dựng và áp dụng pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp. Bản thân tác giả xin đưa ra một số nhân tố cơ bản sau:

2.4.1 Nền kinh tế kém phát triển và chưa ổn định

Nền kinh tế của Việt nam hiện nay đang chuyển dần sang nền kinh tế thị trường, về cơ bản cả nước vẫn đang trong tình trạng kém phát triển, đất nước vẫn chưa hoàn thành quá trình cải cách theo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các thị trường cơ bản trong nền kinh tế như thị trường vốn, lao động, bất động sản, khoa học công nghệ chưa được thiết lập và hoạt động đồng bộ. Các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường chưa được vận hành đầy đủ, tàn dư và quán tính của nền kinh tế kế hoạch hóa còn quá nặng nề [31, trang 3,4]. Nhà nước chưa xây dựng được mô hình phát triển theo kịp xu thế hội nhập của nền kinh tế. Những đặc điểm nêu trên của cả nền kinh tế đã ảnh hưởng đến các thành phần kinh tế, loại hình và lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp.

Nền kinh tế nước ta ngày nay đang trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Điều này vừa đặt ra cơ hội nhưng đồng thời cũng là thách thức rất lớn. Hội nhập kinh tế có nhiều tác động tiêu cực như: làm tăng thêm sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế, thúc đẩy các nguồn vốn đầu cơ tăng nhanh, hình thành các “bong bóng” đầu tư và có thể gây ra các cuộc khủng hoảng tài chính trên phạm vi rộng lớn; khoảng cách giàu nghèo trên thế giới và trong mỗi quốc gia ngày càng rộng hơn; môi trường sinh thái cũng bị tác động, gây ảnh hưởng đến cuộc sống của nhân loại[17,tr 8].

2.4.2 Hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ và còn nhiều bất cập

Hệ thống pháp luật đóng vai trò là công cụ hỗ trợ và bảo vệ các chủ thể kinh doanh và Nhà nước là thiết chế khuyến khích, phục vụ toàn dân kinh doanh. Tuy vậy, những quy định pháp luật được áp dụng ở nước ta trong thời gian phát triển của đất nước lại thể hiện những bất cập không đáng có. Nhìn tổng quát hệ thống pháp luật và chính sách phát triển kinh tế vừa không thống nhất, vừa thiếu đồng bộ, các quy định dưới luật quá nhiều, vừa thừa mà lại vừa thiếu, các quy định thường không nhất quán và hay thay đổi. Sự thiếu phối hợp hoặc phối hợp không đồng bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước nói chung và các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và cấp giấy phép khắc dấu cho doanh nghiệp nói riêng đã gây nhiều khó khăn, làm lãng phí về thời gian và tiền bạc của doanh nghiệp khi gia nhập thị trường Có một nhận xét ngắn gọn và khá chính xác về hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay thông qua việc đưa ra sáu cái thiếu của hệ thống pháp luật đó là:” *thiếu minh bạch, thiếu nhất quán, thiếu đồng bộ, thiếu ổn định, thiếu tiên liệu và thiếu khả thi*” [30, tr 4]

Bên cạnh đó, thủ tục hành chính cũng vẫn còn mang bóng dáng của cơ chế bao cấp, nặng về thủ tục xin – cho. Đặc biệt là quy trình sau khi đăng ký kinh doanh vẫn còn

phức tạp và tốn kém nhiều thời gian, chi phí. Nhìn chung, hệ thống pháp luật vẫn chưa được hoàn thiện và còn nhiều lỗ hổng cần được sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với thực tế.

2.4.3 Năng lực trình độ của bộ máy và con người còn yếu kém

Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp là những người trực tiếp tham gia xây dựng các văn bản pháp luật về đăng ký doanh nghiệp. Năng lực, trình độ của các cán bộ là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng các văn bản pháp luật về đăng ký doanh nghiệp. Do đó, đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý đòi hỏi phải có tư duy khoa học, khả năng nghiên cứu và am hiểu các văn bản chính sách pháp luật của nhà nước, có kinh nghiệm thực tế.

Đánh giá về đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương 9 khóa X, tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã thẳng thắn chỉ ra rằng: “Trình độ, năng lực, kiến thức về kinh tế thị trường, luật pháp, ngoại ngữ, khả năng quản lý nhà nước, quản lý xã hội của không ít cán bộ vẫn còn bất cập; khả năng dự báo và định hướng sự phát triển vẫn còn yếu” rồi “Một bộ phận cán bộ chủ quan, tự mãn, bảo thủ, trì trệ, mắc bệnh thành tích; số khác thiếu tâm huyết với công việc, thiếu gương mẫu, nói nhiều làm ít, nói không đi đôi với làm; ý thức tự phê bình và phê bình và tính chiến đấu kém; lợi dụng chức quyền để vun vén lợi ích cá nhân[21].

Trong khi đó tâm lý của nhiều người, trong đó có cả cán bộ đăng ký kinh doanh còn thiếu thiện chí đối với doanh nghiệp, môi trường kinh doanh còn thiếu các thiết chế giám sát và hỗ trợ doanh nghiệp. Các tổ chức nghề nghiệp và hiệp hội hoạt động chưa hiệu quả và chưa đem lại lợi ích thiết thực cho các doanh nghiệp. Việc thiếu cơ chế giám sát và hỗ trợ doanh nghiệp cũng chính là nguyên nhân gây cản trở cho doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, từ đó ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh và nền kinh tế hiện đại.

2.5 Tình hình đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay

2.5.1. Năm 2017

a, Tính đến tháng 1 năm 2017

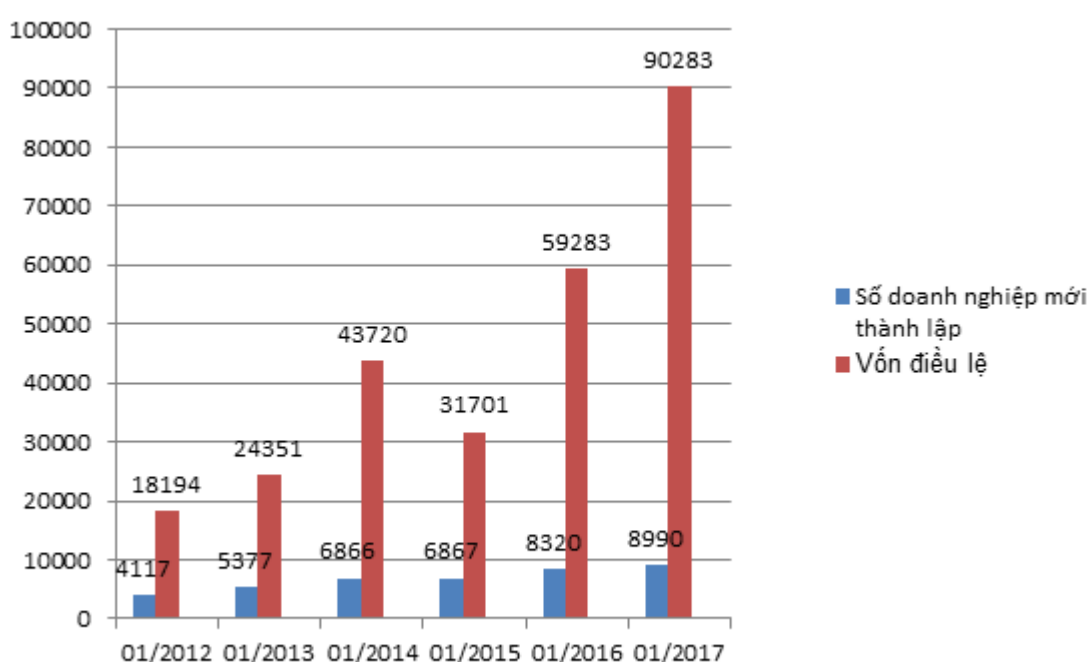
Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và đầu tư [25] năm 2017:

- Về số doanh nghiệp mới thành lập và vốn điều lệ

Vào tháng 1 năm 2017, cả nước đã bổ sung 8.990 doanh nghiệp mới thành lập với số vốn điều lệ là 90.283 tỷ đồng, tăng 8,1% về số doanh nghiệp và 52,3% về vốn đăng ký so với cùng kỳ. (So sánh 2016/2015: doanh nghiệp tăng 21,2%, vốn tăng 87,01%).

Vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp trong tháng 1 đạt 10 tỷ đồng, tăng 40,9% so với cùng kỳ. Lực lượng lao động đã đăng ký của các doanh nghiệp mới thành lập vào tháng 1 là 104.062 người, giảm 16,1% so với cùng kỳ.

Tổng vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế tháng 1 năm 2017 là 204.919 tỷ đồng, trong đó: Tổng vốn đăng ký của các doanh nghiệp mới thành lập là 90.283 tỷ đồng, tổng vốn đăng ký bổ sung của các doanh nghiệp điều hành là 114.636 tỷ đồng.



Biểu đồ số 1: Số doanh nghiệp mới thành lập và vốn trên năm

(Nguồn: Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2017 [18])

Dựa vào biểu đồ trên ta có thể thấy tình hình đăng ký doanh nghiệp của nước ta diễn ra khá sôi nổi. Số doanh nghiệp mới thành lập tăng dần qua các năm, không năm nào bị giảm. Ngoài ra, kể từ khi Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Luật Đầu tư năm 2014 có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2015) đã có những thay đổi tích cực với sự gia tăng đáng kể số lượng doanh nghiệp tham gia thị trường và vốn, đặc biệt là vào tháng 1 năm 2017 với số lượng doanh nghiệp là 8.990 và vốn đăng ký là 90.283 tỷ đồng.

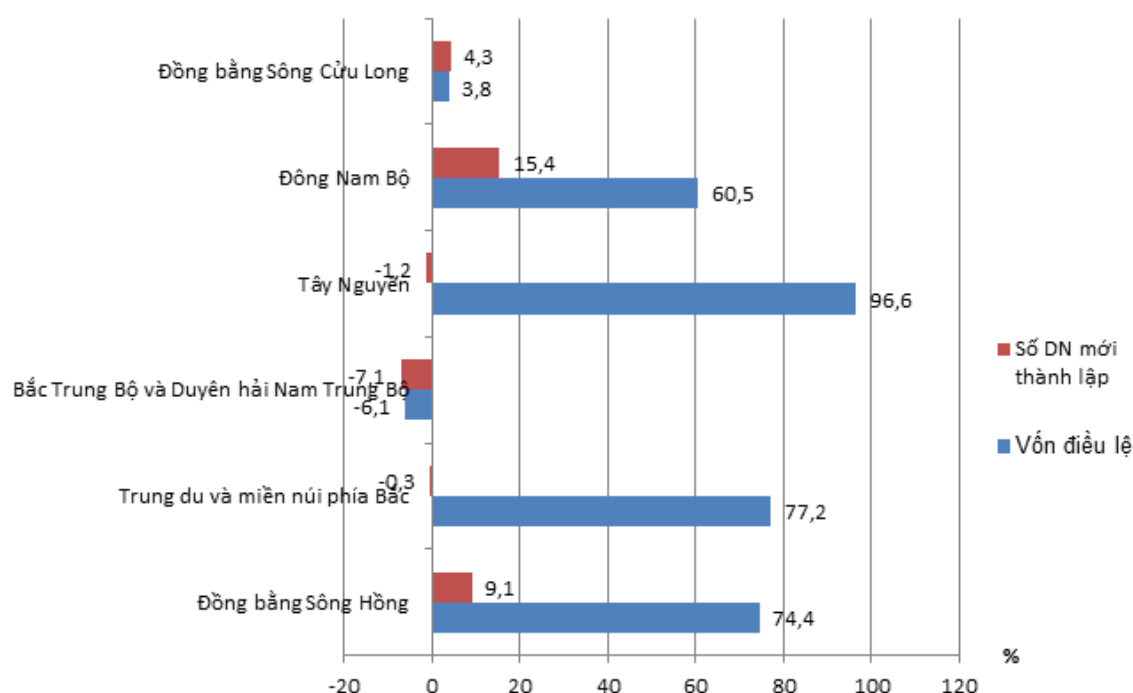
- Về loại hình doanh nghiệp:

Bảng số 1: Số doanh nghiệp, vốn và lao động mới thành lập được đăng ký theo loại
(Nguồn: Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2017 [18])

STT	Doanh nghiệp	Tháng 1/2016			Tháng 1/2017		
		Số doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Người lao động	Số doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Người lao động
1	Công ty TNHH 1 thành viên	4.468	22.364	77.700	5.042	26.811	63.688
2	Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	2.027	14.151	20.379	2.122	14.666	19.713
3	Công ty cổ phần	1.386	21.772	23.305	1.527	48.388	19.006
4	Doanh nghiệp tư nhân	437	993	2.629	298	417	1.651

Về tỷ lệ vốn đăng ký bình quân / doanh nghiệp, trong tháng 1 năm 2017, các công ty cổ phần có vốn đăng ký trung bình cao nhất là 31,7 tỷ đồng / doanh nghiệp; Tiếp theo là các công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên là 6,9 tỷ đồng / doanh nghiệp; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là 5,3 tỷ đồng / doanh nghiệp; Doanh nghiệp tư nhân là 1,4 tỷ đồng / doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp là 1 tỷ đồng. So với cùng kỳ, tỷ lệ vốn đăng ký bình quân trên mỗi doanh nghiệp của các doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh giảm; trong khi đó, tỷ lệ vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp của các loại hình doanh nghiệp còn lại tăng lên.

- Theo vùng:



Biểu đồ số 2: Số doanh nghiệp mới thành lập và vốn theo vùng

(Nguồn: Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2017 [18])

So sánh các doanh nghiệp mới thành lập được đăng ký tháng 1 năm 2017 theo vùng trong Biểu đồ 2 cho thấy:

+ Về tình hình đăng ký thành lập doanh nghiệp, một số vùng có số doanh nghiệp mới đăng ký tăng so với cùng kỳ năm 2016, trong đó: khu vực Đông Nam Bộ có 3.895 doanh nghiệp, tăng 15,4%; Đồng bằng sông Hồng có 2.579 doanh nghiệp, tăng 9,1% và đồng bằng sông Cửu Long có 731 doanh nghiệp, tăng 4,3%; Ngược lại, Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ có 1.176 doanh nghiệp, giảm 7,1%; Tây Nguyên có 250 doanh nghiệp, giảm 1,2%; và vùng Trung du và miền núi phía Bắc có 359 doanh nghiệp, giảm 0,3%.

+ Về vốn đăng ký của các doanh nghiệp mới thành lập, phần lớn các khu vực có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm trước, cụ thể là: Tây Nguyên có vốn đăng ký 3.339 tỷ đồng, tăng trưởng 96,6%; tiếp theo là Trung du và miền núi phía Bắc với số vốn đăng ký 5.970 tỷ đồng, tăng 77,2%; Đồng bằng sông Hồng có vốn đăng ký 26.995 tỷ đồng, tăng 74,4%; Đông Nam Bộ có vốn đăng ký 41.187 tỷ đồng, tăng 60,5% và ĐBSCL có vốn đăng ký 5.465 tỷ đồng, tăng 3,8%; Chỉ có Bắc và Nam Trung Bộ với số vốn đăng ký 7.327 tỷ đồng, giảm 6,1%;

Về số doanh nghiệp tăng, Đông Nam Bộ vẫn có số doanh nghiệp lớn nhất với 3.895 doanh nghiệp, tiếp theo là đồng bằng sông Hồng với 2.579 doanh nghiệp và các khu vực còn lại. Do đó, Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Hồng vẫn là hai trong số các ngành kinh tế hàng đầu của cả nước vì tổng số doanh nghiệp đang tăng lên trong hai ngành chiếm 72% trong tổng số doanh nghiệp thành lập của cả nước.

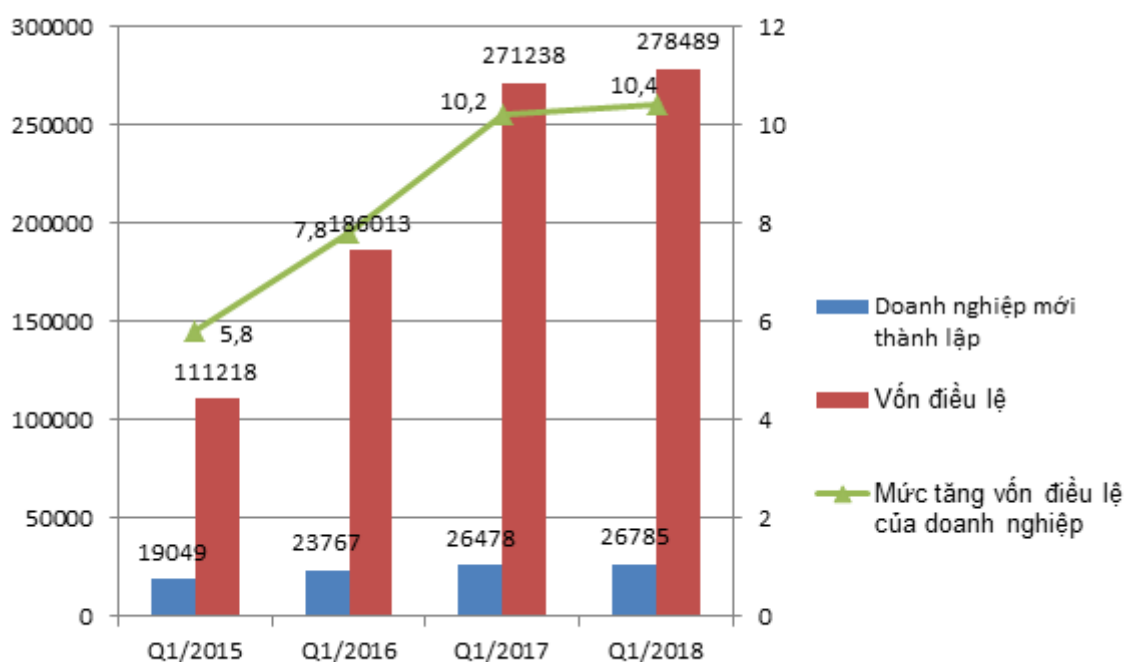
2.5.2. Năm 2018

2.5.2.1 Tính đến Quý 1/2018

- Về số doanh nghiệp mới thành lập và vốn điều lệ.

Theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2018 [20]. Trong Quý I của năm 2018, nền kinh tế nội bộ đã cung cấp hoàn toàn 35,234 doanh nghiệp, trong đó có 26,785 doanh nghiệp thành lập mới và 8,449 doanh nghiệp tiếp tục hoạt động sau án treo giò.

Số vốn dự kiến trong quý này khoảng 763.964 tỷ đồng, bao gồm 278.489 tỷ đồng từ các doanh nghiệp mới thành lập và 485.475 tỷ đồng từ 7.893 lượt doanh nghiệp đăng ký sửa đổi bổ sung vốn điều lệ.



Biểu đồ số 3. Cập nhật đăng ký kinh doanh theo quý

(Nguồn: Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2018 [19])

Dựa và biểu đồ có thể thấy trong Quý I của năm 2018 đã có 26,785 doanh nghiệp mới được thành lập với vốn đăng ký 278.489.000.000 đồng, tăng 1,2% về số lượng doanh nghiệp và 2,7% về vốn điều lệ so với cùng kỳ năm ngoái.

Biểu đồ chỉ ra sự tăng trưởng đầu dòng của cả hai doanh nghiệp thành lập mới và vốn điều lệ trong Quý I từ năm 2015 đến năm 2018. So với Quý I của năm 2015, số lượng doanh nghiệp thành lập mới, vốn điều lệ và tỷ lệ của vốn điều lệ mỗi một doanh nghiệp trong Quý I năm 2018 đều tăng 1,4; 2,5 và 1,8 lần.

Tỷ lệ vốn đăng ký của một doanh nghiệp trong 3 tháng đầu năm 2018 đạt 10,4 tỷ đồng, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước.

Mặt khác, trong số 26.785 doanh nghiệp mới thành lập trong ba tháng đầu năm 2018, có 55 doanh nghiệp bị đình chỉ (0,21%); 26 doanh nghiệp hoàn thành thủ tục giải thể (0,1%); 95 người khác bị đình chỉ không hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; do đó đã có 26.609 doanh nghiệp hoạt động, chiếm 99,34% số doanh nghiệp mới thành lập trong giai đoạn này.

- Về loại hình doanh nghiệp

Bảng số 2. Cập nhật đăng ký kinh doanh theo loại hình doanh nghiệp

(Nguồn: Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2018 [19])

STT	Loại doanh nghiệp	Ba tháng đầu năm 2017		Ba tháng đầu năm 2018	
		Số doanh nghiệp mới thành lập	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Số doanh nghiệp mới thành lập	Vốn điều lệ (tỷ đồng)
Tổng cộng		26.478	271.238	26.785	278.489
1	Công ty TNHH 1 thành viên	14.961	93.086	15.861	91.366
2	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	6.309	53.374	6.061	48.183
3	Công ty cổ phần	835	1.255	430	544
4	Doanh nghiệp tư nhân	4.371	123.520	4.428	138.383

Kết quả so sánh giữa ba tháng đầu năm 2018 với cùng kỳ năm ngoái từ bảng 2 cho thấy Công ty TNHH một thành viên đã giảm vốn điều lệ; Công ty TNHH 2 thành viên trở lên và doanh nghiệp tư nhân giảm trong các doanh nghiệp thành lập mới và vốn điều lệ;

Xét quy mô đăng ký kinh doanh so với cùng kỳ năm 2017, kết quả từ bảng 2 cũng cho thấy trong ba tháng đầu năm 2018 quy mô đăng ký kinh doanh nhìn chung là tăng lên:

Số doanh nghiệp mới thành lập tập trung chủ yếu vào Công ty TNHH một thành viên với 15.861 doanh nghiệp (tăng 6,0%); Số doanh nghiệp mới thành lập của doanh nghiệp tư nhân là 4.428 doanh nghiệp tăng 1,3 % so với cùng kỳ năm 2017.

Lượng vốn điều lệ tập trung vào Công ty Cổ phần với 138.383 tỷ đồng (tăng 12,0%);

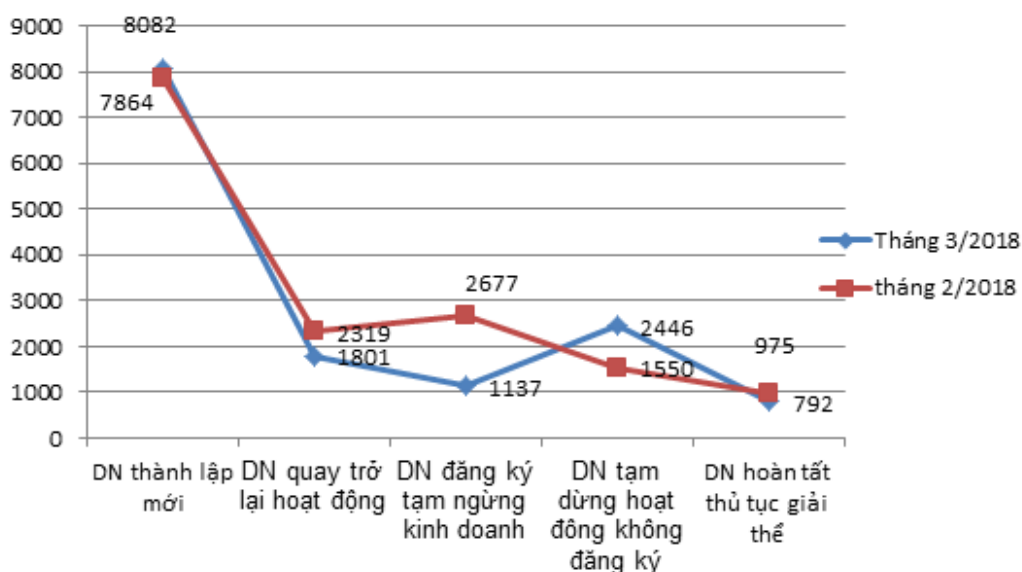
Tuy nhiên cũng có hai loại hình có số lượng doanh nghiệp giảm:

Số doanh nghiệp mới thành lập của Công ty TNHH hai thành viên trở lên là 6.061 doanh nghiệp giảm 3,9% so với cùng kỳ năm 2017. Số doanh nghiệp mới thành lập của Công ty Cổ phần là 430 doanh nghiệp, giảm 47,9% so với cùng kỳ năm 2017.

2.5.2.2 Tính đến Tháng 3 năm 2018

Tháng 3 năm 2018, đã có 8.082 doanh nghiệp mới thành lập với số vốn đăng ký 81.156 tỷ đồng, tăng 2,8% về số doanh nghiệp và giảm 18,0% về vốn đăng ký so với tháng trước. So với tháng 2 năm 2018, lượng vốn đăng ký của một doanh nghiệp trong tháng 3 đạt 10 tỷ đồng, giảm 20,3% và lao động đã đăng ký dự kiến đạt 68,979 triệu lao động, giảm 3,0%.

Cũng trong tháng, đã có 1.801 doanh nghiệp trở lại hoạt động sau khi đình chỉ, giảm 22,3% so với tháng 2 năm 2018 (2.319 doanh nghiệp).



Biểu đồ số 4. So sánh đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp

(Nguồn: Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2018 [19])

Về trường hợp giải thể và đình chỉ giữa tháng 3 và tháng 2 năm 2018, biểu đồ so sánh trên cho thấy có 1.137 doanh nghiệp đã đăng ký đình chỉ hoạt động, giảm 57,5%; 2.446 người bị đình chỉ không có nghĩa vụ nộp thuế, tăng 57,3% và 792 doanh nghiệp hoàn thành thủ tục giải thể, giảm 18,8%.

Về tình hình doanh nghiệp đăng ký thành lập mới phân theo lĩnh vực hoạt động chính: trong 3 tháng đầu năm 2018, hầu hết các ngành, lĩnh vực hoạt động chính đều sự gia tăng về số lượng doanh nghiệp thành lập mới so với cùng kỳ năm 2017, tuy nhiên khối doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh chính trong lĩnh vực nghệ thuật, vui chơi, giải trí, Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm có sự giảm. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực Công nghiệp chế biến, chế tạo, Giáo dục và đào tạo có sự gia tăng đột biến. Dẫn đầu về số lượng thành lập mới là khối Bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy với 1.558 doanh nghiệp và thấp nhất là khối doanh nghiệp lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chỉ có 25 doanh nghiệp.[23]

Cho đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ qua mạng đạt 100% tổng số lượt hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tiếp nhận [24].

CHƯƠNG III. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

3.1 Cơ sở lý luận và thực tiễn thi hành pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam

Khi nhắc đến đăng ký doanh nghiệp là người ta nói đến các thủ tục hành chính để thành lập một doanh nghiệp. Điều này sẽ đặt ra cho các chủ thể kinh doanh nhiều thủ tục, nhiều thời gian, nhiều yêu cầu phải đáp ứng. Trong khi đó, Quyền tự do kinh doanh của mỗi người đã được pháp luật ghi nhận, về mặt lý thuyết thì công dân có quyền tự do kinh doanh mà không nhất thiết phải tiến hành thủ tục thành lập doanh nghiệp. Đăng ký doanh nghiệp đối với mỗi cá nhân, tổ chức kinh doanh là một nghĩa vụ mà không phải chủ thể nào cũng có thể đáp ứng được. Nếu xét quyền tự do kinh doanh theo nghĩa tuyệt đối thì các chủ thể kinh doanh sẽ không phải đăng ký kinh doanh, do đó nghĩa vụ đăng ký kinh doanh xét trong trường hợp này sẽ phần nào hạn chế quyền tự do kinh doanh của mỗi cá nhân, tổ chức khi muốn kinh doanh dưới những hình thức và quy mô nhất định [34, tr 85].

Đăng ký doanh nghiệp thực chất là sự kiểm soát của Nhà nước đối với các chủ thể kinh doanh. Trên thực tế, sự mất kiểm soát quá mức của Nhà nước đối với hoạt động của doanh nghiệp cũng như những chi phí, thời gian và công sức phát sinh từ các quy định pháp luật khắt khe và phức tạp đối với hoạt động đăng ký doanh nghiệp đã khiến gia tăng hoạt động kinh doanh không đăng ký hoặc hoạt động không đúng với nội dung đã đăng ký kinh doanh. Ngược lại pháp luật về đăng ký doanh nghiệp quy định quá dễ dàng khi gia nhập thị trường sẽ đẩy các chủ nợ và thị trường vào tình trạng bất an. Vì vậy, pháp luật về đăng ký doanh nghiệp chỉ nên giám sát và quản lý doanh nghiệp ở mức độ hợp lý để bảo vệ thị trường, xã hội. Mọi hoạt động của doanh nghiệp không ảnh hưởng tới lợi ích chung của xã hội phải được hiểu và giải thích là quyền tự do của doanh nghiệp.

Trong khi đó, hoạt động kinh doanh “không chính thức” tạo ra cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân không tuân thủ pháp luật những lợi thế cạnh tranh một cách không công bằng so với những doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và tuân thủ đầy đủ các quy định. Một cá nhân kinh doanh không đăng ký kinh doanh và không nộp thuế sẽ

tiết kiệm được toàn bộ chi phí đăng ký thành lập doanh nghiệp, thuế và các nghĩa vụ do pháp luật quy định. Trong khi đó một cá nhân, doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp của mình sẽ vừa mất phí và thời gian cho việc tuân thủ đồng thời thường xuyên phải chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước [16, tr 37]. Điều này xảy ra khá phổ biến trên thực tế thực sự là một thách thức đối với việc áp dụng công bằng và thống nhất pháp luật về kinh doanh. Xây dựng một hệ thống pháp luật bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, nâng cao khả năng thực thi và giám sát thực thực thi hiệu quả sẽ xóa bỏ được những lợi thế do không tuân thủ pháp luật. Từ đó sẽ xóa bỏ được nền kinh tế ngầm đang âm ỉ và thúc đẩy một nền kinh tế thị trường có định hướng phát triển mạnh mẽ.

Thực tế thi hành các quy định pháp luật về đăng ký doanh nghiệp đã chứng minh rằng một số quy định pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp đã tác động tiêu cực tới pháp luật về đăng ký doanh nghiệp làm cho các quy định này ảnh hưởng xấu đến xã hội và môi trường kinh doanh. Theo kết quả điều tra của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, điểm yếu của môi trường kinh doanh tại Việt Nam so với các quốc gia cạnh tranh là tham nhũng, chi phí không chính thức, chất lượng dịch vụ hành chính công và chất lượng của kết cấu hạ tầng. Theo nghiên cứu “Khảo sát về môi trường kinh doanh” của Ngân hàng Thế giới (WB) năm 2017, chi phí kinh doanh ở Việt Nam về cơ bản vẫn cao so với các nước trong khu vực ASEAN. Trong đó, có những khoản như chi phí tiếp cận điện năng cao gấp gần 49 lần so với Philippines. Không chỉ chi phí chính thức có thể lượng hóa được mà cả các chi phí không chính thức, không tính toán hết được đang đè nặng vai doanh nghiệp, cản trở sự phát triển của cả nền kinh tế, dù đã có những nỗ lực lớn từ Chính phủ với thông điệp Chính phủ kiến tạo[27]. Thủ tục hành chính ở Việt Nam chưa bao giờ là lợi thế so với nhiều nước trên thế giới. So sánh với quốc tế và khu vực về tính cạnh tranh của môi trường đầu tư, thủ tục thành lập doanh nghiệp và khởi sự kinh doanh ở nước ta vẫn còn phức tạp, tốn kém về thời gian và chi phí. Điều này cũng một phần là do công tác thực thi pháp luật của các cán bộ có thẩm quyền. Qua khảo sát cho thấy, tình trạng nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh rất dễ bị cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh trả lại với các lý do như hồ sơ khai không đúng ngành nghề, dịch tên viết tắt không đúng..., do đó nhà đầu tư để “được việc” thường phải bỏ ra các chi phí không chính thức. Bên cạnh đó nhiều cán bộ kinh doanh không đủ năng lực chuyên môn cũng như

thẩm quyền để thẩm định các nội dung đăng ký doanh nghiệp là đúng hay sai, vì thế dẫn đến nhiều sai sót khi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Một số các đối tượng bị cấm tham gia thành lập quản lý doanh nghiệp như cán bộ, công chức, sĩ quan... thành lập doanh nghiệp nhưng khó có cơ chế kiểm soát được. Điều này không những ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh ổn định mà còn ảnh hưởng đến quyền lợi của nhiều cá nhân, tổ chức có liên quan.

3.1 Phương hướng hoàn thiện pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam

Từ những thực trạng nêu ở trên cũng như từ những hạn chế, bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện đăng ký thành lập doanh nghiệp nêu ở Chương II. Chúng ta có thể đưa ra một số phương hướng, kiến nghị để hoàn thiện pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp như sau:

3.1 Về hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh

Để cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện được vai trò là lực lượng chủ lực trong việc thực thi các luật về doanh nghiệp trong cuộc sống, cần phải khắc phục tính phân tán về mặt quyền lực nhà nước nhằm tạo điều kiện cho bộ máy này triển khai được đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định.

Thứ nhất, về mô hình cơ quan đăng ký kinh doanh phù hợp trong tương lai. Chúng ta phải hoàn thiện chế định về tổ chức bộ máy cơ quan đăng ký kinh doanh theo hướng hình thành nên một hệ thống quản lý và giám sát thống nhất từ trung ương đến địa phương. Chỉ có như vậy thì cơ quan đăng ký kinh doanh mới thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình đặc biệt trong một số vấn đề như bảo hộ tên doanh nghiệp, quản lý và giám sát nhân thân người thành lập doanh nghiệp, quản lý và giám sát sự tồn tại, tính liên tục của “pháp nhân doanh nghiệp”,... trên phạm vi toàn quốc.

Thứ hai, cần tăng thêm về số lượng và nâng cao trình độ chuyên môn đối với các cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh để đáp ứng được với khối lượng công việc đăng ký kinh doanh rất lớn như hiện nay, đặc biệt quan tâm tới cán bộ cấp quận, huyện. Mặt khác cần cung cấp các phương tiện hỗ trợ về công nghệ thông tin như máy tính, máy in, phần mềm chuyên dụng...v.v để “giảm tải” sức ép cho cán bộ đăng ký kinh doanh.

3.2 Về trình tự, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp

Trình tự, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp hiện nay chính là khâu mà theo các nhà đầu tư đánh giá là còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc khi chuẩn bị gia nhập thị trường. Mỗi cơ quan nhà nước theo chuyên môn nghiệp vụ lại có những yêu cầu khác nhau về hồ sơ và thời hạn giải quyết, làm ảnh hưởng không nhỏ đến cơ hội kinh doanh của nhà đầu tư. Việc giảm bớt các loại giấy tờ, thủ tục không cần thiết, giải quyết yêu cầu đăng ký kinh doanh nhanh, gọn, đúng pháp luật sẽ giúp nhà đầu tư tiết kiệm chi phí về thời gian và tiền bạc, đồng thời tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa nhà đầu tư và cơ quan nhà nước, góp phần hiệu quả vào việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư.

Qua những phân tích trên, ta thấy để trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh có hiệu quả tốt chúng ta nên:

Thứ nhất, trong quá trình khởi sự kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan công an làm dấu, cơ quan thuế làm mã số thuế, cơ quan hải quan làm mã số xuất nhập khẩu,... nên phối hợp với nhau để tạo điều kiện nhanh nhất cho doanh nghiệp đi vào hoạt động. Việc thống nhất về thời gian giải quyết các thủ tục hành chính cần thiết ở mỗi cơ quan nói trên sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn rất nhiều cho các nhà đầu tư. Chính vì thế, nhà nước nên áp dụng một mã số thống nhất cho doanh nghiệp như số đăng ký kinh doanh, mã dấu, mã số thuế, mã số hải quan để doanh nghiệp sử dụng trong mọi trường hợp, giống như mỗi chúng ta cần có chứng minh thư nhân dân để khẳng định sự tồn tại một con người và sử dụng xác lập đa số các giao dịch.

Cụ thể là sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp có quyền xuất trình giấy này yêu cầu cơ quan khắc dấu làm dấu cho đơn vị mình. Cùng lúc, doanh nghiệp có thể đến cơ quan thuế làm tờ khai đăng ký mã số thuế mà không nhất thiết phải có đóng dấu. Người đến lấy mã số thuế mang theo giấy giới thiệu có đóng dấu của doanh nghiệp để cơ quan thuế lưu vào hồ sơ. Trong khi chờ cấp mã số thuế, doanh nghiệp có thể xuất trình chứng nhận đăng ký kinh doanh và phiếu nhận hồ sơ làm mã số thuế khi chi cục thuế xin mua hóa đơn. Áp dụng cách này, sẽ rút ngắn rất nhiều thời gian để doanh nghiệp phải làm thủ tục đăng ký kinh doanh như trước nữa.

Thứ hai, Cần thiết lập hệ thống lý lịch tư pháp phục vụ cho việc quản lý nhà nước đối với công tác đăng ký kinh doanh, trong đó có xác minh nhân thân người thành lập

doanh nghiệp để thực hiện triệt để quy định về những đối tượng không được quyền thành lập doanh nghiệp.

3.3 Về nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp

Hiện nay, trong hồ sơ đăng ký kinh doanh chỉ mới ghi nhận một số các thông tin ngắn gọn khi doanh nghiệp được khai sinh ra còn các thông tin khác phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi đã được đăng ký thì hầu như không có hoặc có nhưng không đủ, không cập nhật. Để phát huy tác dụng công tác kinh doanh nói chung và xây dựng một cơ sở dữ liệu đầy đủ về doanh nghiệp, nội dung đăng ký kinh doanh cần được thiết kế chi tiết hơn và phản ánh được tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

Để thực hiện việc này, ngoài nhân lực là điều cốt lõi, các cơ quan quản lý nhà nước cần phải phối hợp trong việc cung cấp thông tin cũng như xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật có chất lượng, phục vụ tốt cho việc đăng ký kinh doanh và cập nhật tình hình hoạt động, kinh doanh của doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh.

2.4 Về chế tài đối với hành vi vi phạm pháp luật đăng ký thành lập doanh nghiệp

Để đảm bảo cho pháp luật đăng ký thành lập doanh nghiệp được thực hiện nghiêm túc, chúng ta cần quan tâm một số vấn đề sau:

Thứ nhất, cần đẩy mạnh công tác “hậu kiểm”, phân cấp quản lý, xử phạt để tránh hiện tượng nhiều cơ quan quản lý nhà nước liên tiếp “đến thăm” doanh nghiệp, gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, cần có những quy định rõ ràng các tiêu chí của “hậu kiểm” như: khi nào cần hậu kiểm, hậu kiểm những gì và hậu kiểm như thế nào.

Thứ hai, do yếu tố bảo mật là rất quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nên trong nền kinh tế thị trường chúng ta cần xem xét và đưa ra cơ chế rõ ràng trong việc bảo mật thông tin cho doanh nghiệp.

Thứ ba, Cần tăng cường công tác rà soát thông tin về doanh nghiệp giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế một cách thường xuyên hơn, có hệ thống hơn để kịp thời phát hiện các vi phạm về tài chính của doanh nghiệp cũng như đối chiếu tình trạng doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh, tránh sự tồn tại của các công ty “ma”, lừa đảo,...

KẾT LUẬN

Hiện nay xu thế chung của các nhà đầu tư là thành lập cho mình các doanh nghiệp, công ty riêng qua đây họ muốn chứng tỏ khả năng làm chủ của mình cũng như khả năng lãnh đạo của bản thân trong việc hoạt động của doanh nghiệp. Trong cơ chế kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề xây dựng một hệ thống pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp là một bài toán nan giải cần tập trung nhiều sức lực để thực hiện. Nếu như không kịp thời khắc phục những bất cập hạn chế còn tồn đọng thì tiến tới sẽ kìm hãm sự phát triển của môi trường kinh doanh trong nước, lực lượng xã hội vẫn chưa được giải phóng. Với chủ trương phát triển kinh tế, với việc Luật doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành đi vào áp dụng thực tế được coi là bước đột phá lớn nhất trong lĩnh vực pháp luật doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc hoàn thiện và bổ sung xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp năm 2014 cần được thúc đẩy nhanh chóng mà vẫn phải theo đúng tinh thần của bộ Luật doanh nghiệp năm 2014 đề ra.

Đối với các doanh nghiệp, để thuận lợi gia nhập thị trường và dễ dàng tìm kiếm thông tin về các đối tác tiềm năng là một trong các yếu tố quan trọng để tăng cường năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Nhìn chung, pháp luật về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đã có các thay đổi đáng kể trong thời gian qua. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, thực tế áp dụng các quy định về đăng ký kinh doanh đôi lúc mang lại những kết quả trái ngược, trong đó có những kết quả không mong muốn, trái với mục đích của Luật doanh nghiệp. Những quy định liên quan đến đăng ký kinh doanh và thực tế hoạt động đăng ký kinh doanh trên cả nước trong thời gian qua đã bắt đầu nảy sinh nhiều vấn đề thể hiện ở các mặt như: buông lỏng quản lý hoạt động đăng ký kinh doanh; thủ tục đăng ký kinh doanh và điều kiện kinh doanh đôi lúc còn chưa rõ ràng và thiếu nhất quán; doanh nhân kinh doanh mà không đăng ký kinh doanh; hoạt động kinh doanh sai giấy phép kinh doanh; đặc biệt là nhiều địa phương, ban ngành còn đặt ra nhiều rào cản khắt khe cho việc gia nhập thị trường đối với doanh nhân thông qua việc ban hành các loại giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề kinh doanh... như là một yêu cầu bổ sung cho điều kiện kinh doanh áp dụng cho một số ngành nghề, dịch vụ. Việc kéo dài những hiện tượng này trong nền kinh tế nước ta đã khiến cho nhiều doanh nhân khó tiếp cận hoạt động kinh doanh một cách chính thức và công bằng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2015), *Thông tư số 20/2015/TT- BKHĐT ngày 1 tháng 12 năm 2015 Hướng dẫn về Đăng ký doanh nghiệp*, Hà Nội.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2015), *Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 05 năm 2016 Quy định biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Doanh nghiệp*, Hà Nội.
3. Chính phủ (2017) *Nghị quyết 136 NQ- CP ngày 27/12/2017 Về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*, Hà Nội.
4. Chính phủ (2016) *Nghị định 50/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 6 năm 2016 Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư*, Hà Nội.
5. Chính phủ (2015), *Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2015 Hướng dẫn về Đăng ký doanh nghiệp*, Hà Nội.
6. Chính phủ (2015), *Nghị định số 81/2015/ NĐ-CP ngày 18 tháng 09 năm 2016, Về công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước*, Hà Nội.
7. Quốc hội (1946), *Hiến pháp năm 1946*, Hà Nội.
8. Quốc hội (1959), *Hiến pháp năm 1959*, Hà Nội.
9. Quốc hội (1980), *Hiến pháp năm 1980*, Hà Nội
10. Quốc hội (1992), *Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001*, Hà Nội.
11. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.
12. Quốc hội (2005), *Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005*, Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Quốc hội (2005), *Luật Đầu tư đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005*, Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014* Chính trị quốc gia, Hà Nội.

15. Quốc hội (2014) *Luật đầu tư đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014*, Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Amada Carlier, Nguyễn Quỳnh Trang, Omar Chaudry, Stoyan Tenev,(2003), *Hoạt động không chính thức và môi trường kinh doanh ở Việt Nam*, Thông tấn, Hà Nội.
17. Ban nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ (2005), Tài liệu hội thảo: *Giấy phép kinh doanh tại Việt Nam: Hiện trạng và Giải pháp*, Ban nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội.
18. Báo cáo Bộ Kế hoạch đầu tư về Tình hình thành lập doanh nghiệp năm 2017, Hà Nội.
19. Báo cáo Bộ Kế hoạch đầu tư về Tình hình thành lập doanh nghiệp năm 2018, Hà Nội.
20. Bài viết “*Pháp luật Việt Nam hiện hành về đăng ký doanh nghiệp*” của nhóm sinh viên trường Đại học thương mại.
21. Bài viết “*Không ít cán bộ năng lực yếu kém*” tại Chuyên mục Tâm điểm dư luận của Báo Điện tử Công lý.
22. Bài viết: “*Gian nan doanh nghiệp khởi nghiệp*” tại Báo mới năm 2017 - Bài 1,<https://www.baomoi.com/gian-nan-doanh-nghiep-khoi-nghiep-bai-1/c/21631854.epi>, ngày đăng 26/2/2017
23. Cổng thông tin điện tử Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.
<http://www.hapi.gov.vn/>
24. Cổng thông tin quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.
<https://dangkykinhdoanh.gov.vn/NewsandUpdates/tabid/91/CategoryID/25/language/vi-VN/Default.aspx>
25. Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
<http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=38426&idcm=188>
26. Đào Duy Anh (2006), *Việt Nam Văn hóa Sử cương*, Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
27. Giảm chi phí cho doanh nghiệp: *Cần giám sát độc lập, khách quan, Thời tờ báo tài chính Việt Nam*, Hà Nội.
28. Phạm Duy Nghĩa (2004) *Chuyên khảo Luật kinh tế* (Chương trình sau đại học), Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

29. Phạm Thị Hồng Đào (2014), *Một số hạn chế của Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư năm 2014 cần hoàn thiện*.
30. Phạm Lan Chi (2006), “*Giấy phép kinh doanh “đủ tốt” và “đủ xấu” đề cải cách*”, Tạp chí Nhà Quản lý, Số 01 ra ngày 7 tháng 11 năm 2006
31. Lê Đăng Doanh (2005), *Báo cáo phát triển cải cách kinh tế và năng lực cạnh tranh ở Việt Nam- Triển vọng và thách thức*, bài nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội.
32. Nguyễn Thị Thủy (2015) “*Thực thi pháp luật về đăng ký kinh doanh trên địa bàn Hà Nội*.”. Khoa Luật- ĐHQGHN năm 2015, Hà Nội.
33. Nguyễn Đình Cung (2014), báo cáo đánh giá những điểm mạnh và yếu của Luật doanh nghiệp, Viện nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Hà Nội.
34. Lê Thế Phúc (2006) “*Đăng ký kinh doanh theo luật doanh nghiệp Việt Nam - thực trạng và một vài kiến nghị*”. Khoa Luật - ĐHQGHN năm 2006, Hà Nội.
35. Th.s Trần Thị Tố Uyên (2005) “*Pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam thực trạng và phương hướng hoàn thiện*”.Hà Nội.
36. Th.s Hoàng Thị Thanh Hoa và Th.s Ưông Hồng Thắng (2017) *Thực trạng thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay - Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện*, Hà Nội.